

Post: Contact:  
Air Navigation Department  
119 Nguyen Son Str.,  
Long Bien Dist.,  
Ha Noi, Viet Nam  
Tel: +84 24 38274191  
Fax: +84 24 38274194  
E-mail: and@caa.gov.vn  
Web: http://caa.gov.vn

**CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**  
**CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIET NAM**



**AIP SUP**  
**36/24**  
**Có hiệu lực từ**  
**Effective from**  
**02 OCT 2024**  
**Được xuất bản vào**  
**Published on**  
**25 SEP 2024**

**THI CÔNG, SỬA CHỮA CÁC VỆT LẤN DẪN VÀO  
CÁC VỊ TRÍ ĐỖ 38, 40, 43, 43A VÀ VỊ TRÍ ĐỖ 43A TẠI  
CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ NỘI BÀI (VVNB)**

**CONSTRUCTION OF LEAD-IN LINES OF AIRCRAFT  
STANDS 38, 40, 43, 43A AND STAND 43A AT THE NOI  
BAI INTERNATIONAL AIRPORT (VVNB)**

**1 GIỚI THIỆU**

**1 INTRODUCTION**

Tập bổ sung AIP này nhằm thông báo về việc thi công, sửa chữa các vệt lẩn dẫn vào các vị trí đỗ tàu bay 38, 40, 43, 43A và vị trí đỗ 43A tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài (VVNB), cụ thể như sau:

The AIP Supplement aims at notifying the construction of lead-in lines of stands 38, 40, 43, 43A and stand 43A at the Noi Bai International Airport (VVNB), the details are as follows:

- 1.1 **Giai đoạn 1: Từ 0200 ngày 02/10/2024 đến 0159 ngày 19/01/2025.**
- 1.2 **Giai đoạn 2: Từ 0200 ngày 19/01/2025 đến 0159 ngày 14/02/2025.**
- 1.3 **Giai đoạn 3: Từ 0200 ngày 14/02/2025 đến 0159 ngày 24/04/2025.**
- 1.4 **Các vị trí đỗ phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang trong quá trình thi công.**

- 1.1 **Phase 1: From 0200 on 02 OCT 2024 to 0159 on 19 JAN 2025.**
- 1.2 **Phase 2: From 0200 on 19 JAN 2025 to 0159 on 14 FEB 2025.**
- 1.3 **Phase 3: From 0200 on 14 FEB 2025 to 0159 on 24 APR 2025.**
- 1.4 **Aircraft stands to serving VIP flights during construction.**

Ghi chú:

Note:

- Các lưu ý và hạn chế khai thác: Áp dụng theo các phương thức hiện hành. Tham chiếu AIP Việt Nam, VVNB AD 2.20, mục 2.4 và AD 2-VVNB-2-1, AD 2-VVNB-4-1; AD 2-VVNB-5-1.
- Đơn vị phục vụ mặt đất tổ chức cảnh giới ở hai bên đầu mút cánh tàu bay để đảm bảo an toàn trong quá trình tàu bay lẩn vào/ ra các vị trí đỗ.
- Các khu vực thi công được thiết lập hàng rào, biển báo, đèn cảnh báo và sơn tín hiệu theo quy định.

- Notes and operational limitation: Applied as current operational procedures. Refer to AIP Viet Nam, VVNB AD 2.20, Item 2.4 and AD 2-VVNB-2-1, AD 2-VVNB-4-1; AD 2-VVNB-5-1.
- Ground service units arrange warnings on both sides of aircraft wing-tips to ensure safety during the towing/pushing process, especially when towing/pushing aircraft via additional towing/pushing line to into/out stand.
- Construction areas are surrounded by fences, marker boards, warning lights, markings as specified.

**2 CHI TIẾT**

**2 DETAILS**

- 2.1 **Giai đoạn 1: Từ 0200 ngày 02/10/2024 đến 0159 ngày 19/01/2025, được chia làm 2 giai đoạn (1A và 1B).**

- 2.1 **Phase 1: From 0200 on 02 OCT 2024 to 0159 on 19 JAN 2025, is divided into 2 phases (1A and 1B).**

- 2.1.1 **Các khu vực thi công (gồm 4 khu vực: 1A, 1B, 1C, 1D):**

- 2.1.1 **Construction areas (includes 1A, 1B, 1C, 1D areas):**

- Khu vực 1A:
  - Phía Bắc: Cách tim đường lẩn V khoảng 34.54 m;
  - Phía Nam: Cách tim đường lẩn V khoảng 46.54 m;
  - Phía Tây: Cách tim vệt lẩn vào vị trí đỗ 41/42 khoảng 36.80 m;
  - Phía Đông: Cách tim vệt lẩn vào vị trí đỗ 44/44A khoảng 52.95 m.
- Khu vực 1B:
  - Phía Bắc: Cách tim đường lẩn V khoảng 45.54 m;
  - Phía Nam: Cách tim vệt lẩn W4 khoảng 36.75 m;
  - Phía Tây: Cách tim vệt lẩn vào vị trí đỗ 41/42 khoảng 36.80 m;
  - Phía Đông: Cách tim vệt lẩn vào vị trí đỗ 44/44A khoảng 52.95 m.

- Area 1A:
  - Northern: About 34.54 m from the centre line of TWY V;
  - Southern: About 46.54 m from the centre line of TWY V;
  - Western: About 36.80 m from the centre line of lead-in lines of stands 41/42;
  - Eastern: About 52.95 m from the centre line of lead-in lines of stands 44/44A;
- Area 1B:
  - Northern: About 45.54 m from the centre line of TWY V;
  - Southern: About 36.75 m from the centre line of taxiway W4;
  - Western: About 36.80 m from the centre line of lead-in lines of stand 41/42;
  - Eastern: About 52.95 m from the centre line of lead-in lines of stand 44/44A;

- Khu vực 1C:
  - Phía Bắc: Cách vạch dừng vị trí đỗ số 37 khoảng 19.70 m;
  - Phía Nam: Cách tim vệt lăn W4 khoảng 20.50 m;
  - Phía Tây: Cách tim vệt lăn W3 khoảng 3.75 m;
  - Phía Đông: Cách tim vệt lăn W3 khoảng 10.70 m.

Tham chiếu sơ đồ trang 14, 15.

### 2.1.2 Các khu vực tạm dừng khai thác:

- Vệt lăn W3: Đoạn từ vị trí đỗ 35B đến vị trí đỗ 36B.
- Vệt lăn W4.
- Vị trí đỗ: 35A, 35B, 38, 40, 43, 43A.
- Đường công vụ R7: Đoạn từ nút giao với đường công vụ R6 đến vị trí đỗ 39 và đoạn từ nút giao với đường công vụ R8 đến nút giao với đường công vụ R9.

### 2.1.3 Giai đoạn 1A: Từ 0200 ngày 02/10/2024 đến 0159 ngày 10/11/2024

#### 2.1.3.1 Điều chỉnh, bổ sung phương án khai thác:

- Đường lăn V (Đoạn từ vị trí đỗ 43/43A đến vị trí đỗ 44/44A cách tim vệt lăn vị trí đỗ 43/43A về phía Tây là 38 m đến cách tim vệt lăn vị trí đỗ 43/43A về phía Đông là 38 m):
  - Khai thác đến loại tàu bay code C (sải cánh đến dưới 36 m) và tương đương trở xuống;
  - Tàu bay code D (sải cánh từ 36 m) và tương đương trở lên không di chuyển qua đoạn đường lăn này.
- Vị trí đỗ 35: Khai thác đến loại tàu bay code E (sải cánh đến dưới 65 M) và tương đương trở xuống; không khai thác tàu bay code F và tương đương trở lên.
- Vị trí đỗ 36, 36A, 36B: Điều chỉnh vạch dừng bánh mũi tịnh tiến về phía Đông 60.35 m; hướng mũi tàu bay quay về hướng Đông.

Ghi chú: Các vị trí đỗ 36, 36A, 36B: Sử dụng xe Follow-me dẫn tàu bay khi lăn vào.

#### 2.1.3.2 Phương thức vận hành tàu bay:

##### 2.1.3.2.1 Đối với tàu bay đến:

##### a) Đối với loại tàu bay code D (sải cánh từ 36 m) và tương đương trở lên:

- Vị trí đỗ từ 12 đến 28: Tàu bay sau khi hạ cánh lăn theo đường lăn S → đường lăn V3/V4/V5 → đường lăn V → vị trí đỗ.
- Vị trí đỗ 35: Tàu bay sau khi hạ cánh lăn theo đường lăn S → đường lăn V3/V4/V5 → đường lăn V → vệt lăn W3 → vị trí đỗ.
- Vị trí đỗ 36:
  - Khi không có hoạt động khai thác phục vụ chuyển bay tại vị trí đỗ 29: Tàu bay sau khi hạ cánh lăn theo đường lăn S → đường lăn V3/V4/V5 → đường lăn V → vệt lăn W2 → vị trí đỗ (khi tàu bay đỗ chờ/qua đêm tại vị trí đỗ 29, tàu bay được lăn vào vị trí đỗ 36).
  - Tàu bay sau khi hạ cánh lăn theo đường lăn S → đường lăn V3/V4/V5 → đường lăn V, dừng đỗ tại vệt lăn W2 (mũi quay hướng Nam)/đường lăn V (mũi quay hướng Đông) và kéo đẩy theo vệt lăn W2 → vị trí đỗ.
- Vị trí đỗ 44 (khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 44A): Tàu bay sau khi hạ cánh lăn theo đường lăn S → đường lăn V6/V7 → đường lăn V → vị trí 44A → vị trí đỗ.

### Area 1C:

- Northern: About 19.70 m from the stop line of stand 37;
- Southern: About 20.50 m from the centre line of taxiway W4;
- Western: About 3.75 m from the centre line of taxiway W3;
- Eastern: About 10.70 m from the centre line of taxiway W3.

Refer to pages 14, 15.

### 2.1.2 Temporarily closed areas

- Taxiway W3: A portion from stand 35B to stand 36B.
- Taxiway W4.
- Stands: 35A, 35B, 38, 40, 43, 43A.
- Service road R7: A portion from the intersection with service road R6 to stand 39 and a portion from the intersection with service road R8 to the intersection service road R9.

### 2.1.3 Phase 1A: From 0200 on 02 OCT 2024 to 0159 on 10 NOV 2024

#### 2.1.3.1 Adjustment, addition of operational procedures:

- TWY V (A portion from stand 43/43A to stand 44/44A (the position which is 38 m from the centre line of stand 43/43A to the West to the position which is 38 m from the centre line of stand 43/43A to the East):
  - Used for aircraft up to code C (wingspan up to but not including 36 m) and equivalent;
  - Aircraft code D (wingspan from 36 m) and above shall not move through this TWY.
- Stand 35: Used for aircraft up to code E (wingspan up to but not including 65 m) and equivalent; is not allowed to operate for aircraft code F and above.
- Stands 36, 36A, 36B: Adjust the stop line of the nose wheel 60.35 m to the East; the nose of the aircraft faces East.

Note: Stands 36, 36A, 36B: Follow the Follow-me car.

#### 2.1.3.2 The aircraft operational procedures:

##### 2.1.3.2.1 For arriving aircraft:

##### a) For aircraft code D (wingspan from 36 m) and above:

- Stands from 12 to 28: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V3/V4/V5 → TWY V → stand.
- Stand 35: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V3/V4/V5 → TWY V → taxiway W3 → stand.
- Stand 36:
  - When there is no aircraft operation at stand 29: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V3/V4/V5 → TWY V → taxiway W2 → stand (when there is aircraft parking/parking overnight at stand 29, other aircraft is allowed to taxi into stand 36).
  - After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V3/V4/V5 → TWY V, stop at taxiway W2 (with its nose faces the South)/TWY V (with its nose faces the East) and is towed/pushed via taxiway W2 → stand.
- Stand 44 (when there is no aircraft parking at stand 44A): After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V6/V7 → TWY V → stand 44A → stand.

- Vị trí đỗ từ 45 đến 55, 1H, 2H: Tàu bay sau khi hạ cánh lần theo đường lăn S → đường lăn V6/V7 → đường lăn V → vị trí đỗ.
- Các vị trí đỗ khác: Thực hiện theo huấn lệnh của Kiểm soát viên không lưu.

**b) Đối với loại tàu bay code C (sải cánh đến dưới 36 m) và tương đương trở xuống:**

- Vị trí đỗ 36A, 36B: Tàu bay sau khi hạ cánh lần theo đường lăn S → đường lăn V2/V3/V4/V5/V6/V7 → đường lăn V → vệt lăn W2 → vị trí đỗ.
- Vị trí đỗ 42 (khi không có tàu bay đỗ tại vị trí 41): Tàu bay sau khi hạ cánh lần theo đường lăn S → đường lăn V2/V3/V4/V5/V6/V7 → đường lăn V → vị trí 41 → vị trí đỗ.
- Các vị trí đỗ khác: Thực hiện theo huấn lệnh của Kiểm soát viên không lưu.

**2.1.3.2.2 Đối với tàu bay khởi hành:**

**a) Đối với loại tàu bay code D (sải cánh từ 36 m) và tương đương trở lên:**

- Vị trí đỗ 35: Tàu bay khởi hành từ vị trí đỗ → vệt lăn W2 → đường lăn V → đường lăn V3/V4/V5 → đường lăn S để lên đường cất hạ cánh.
- Vị trí đỗ 36: Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vệt lăn W2 → đường lăn V, mũi tàu bay quay hướng Đông hoặc hướng Tây để khởi hành theo đường lăn V3/V4/V5. Tàu bay chỉ được nổ máy khi đã được đẩy lùi ra vệt lăn W2/đường lăn V.
- Vị trí đỗ 44 (khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 44A):
  - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vị trí đỗ 44A → đường lăn V, mũi quay hướng Tây để khởi hành theo đường lăn V6.
  - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vị trí đỗ 44A → đường lăn V → vệt lăn W5, mũi tàu bay quay hướng Bắc để khởi hành theo đường lăn V6/V7.
- Vị trí đỗ 45:
  - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V, mũi quay hướng Đông hoặc hướng Tây để khởi hành theo đường lăn V6/V7.
  - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V → vệt lăn W5, mũi tàu bay quay hướng Bắc để khởi hành theo đường lăn V6/V7.
- Các vị trí đỗ khác: Thực hiện theo huấn lệnh của Kiểm soát viên không lưu.

**b) Đối với loại tàu bay code C (sải cánh đến dưới 36 m) và tương đương trở xuống:**

- Vị trí đỗ 36A, 36B: Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vệt lăn W2 → đường lăn V, mũi tàu bay quay hướng Đông hoặc hướng Tây để khởi hành.
- Vị trí đỗ 37, 39, 41, 44, 44A, 45, 46:
  - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V, mũi tàu bay quay hướng Đông hoặc hướng Tây để khởi hành.
  - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V → vệt lăn W5, mũi tàu bay quay hướng Bắc để khởi hành.
- Vị trí đỗ 42 (khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 41): Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vị trí đỗ 41 → đường lăn V, mũi tàu bay quay hướng Đông hoặc hướng Tây để khởi hành.
- Các vị trí đỗ khác: Thực hiện theo huấn lệnh của Kiểm soát viên không lưu.

- Stands from 45 to 55, 1H, 2H: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V6/V7 → TWY V → stand.

- Other stands: Pilots are requested to follow ATC instructions strictly.

**b) For aircraft up to code C (wingspan up to but not including 36 m) and equivalent:**

- Stands 36A, 36B: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY V → taxiway W2 → stand.
- Stand 42 (when there is no aircraft parking at stand 41): After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY V → stand 41 → stand.
- Other stands: Pilots are requested to follow ATC instructions strictly.

**2.1.3.2.2 For departing aircraft:**

**a) For aircraft code D (wingspan from 36 m) and above:**

- Stand 35: Aircraft from stand → taxiway W2 → TWY V → TWY V3/V4/V5 → TWY S for departure.
- Stand 36: Aircraft is pushed back from stand → taxiway W2 → TWY V, with its nose faces the East or the West for departure via TWY V3/V4/V5. The aircraft is only allowed to start the engine when it has been pushed back to taxiway W2/ TWY V.
- Stand 44 (when there is no aircraft parking at stand 44A):
  - Aircraft is pushed back from stand → stand 44A → TWY V, with its nose faces the West for departure via TWY V6.
  - Aircraft is pushed back from stand → stand 44A → TWY V → taxiway W5, with its nose faces the North for departure via TWY V6/V7.
- Stand 45:
  - Aircraft is pushed back from stand → TWY V, with its nose faces the East or the West for departure via TWY V6/V7.
  - Aircraft is pushed back from stand → TWY V → taxiway W5, with its nose faces the North for departure via TWY V6/V7.
- Other stands: Pilots are requested to follow ATC instructions strictly.

**b) For aircraft up to code C (wingspan up to but not including 36 m) and equivalent:**

- Stands 36A, 36B: Aircraft is pushed back from stand → taxiway W2 → TWY V, with its nose faces the East or the West for departure.
- Stands 37, 39, 41, 44, 44A, 45, 46:
  - Aircraft is pushed back from stand → taxiway W2 → TWY V, with its nose faces the East or the West for departure.
  - Aircraft is pushed back from stand → TWY V → taxiway W5, with its nose faces the North for departure.
- Stand 42 (when there is no aircraft parking at stand 41): Aircraft is pushed back from stand → stand 41 → TWY V, with its nose faces the East or the West for departure.
- Other stands: Pilots are requested to follow ATC instructions strictly.

## 2.1.4 Giai đoạn 1B: Từ 0200 ngày 10/11/2024 đến 0159 ngày 19/01/2025

### 2.1.4.1 Điều chỉnh, bổ sung phương án khai thác:

- Đường lăn V (Đoạn từ vị trí 43/43A đến vị trí đỗ 44/44A): Khai thác đến loại tàu bay code F (sải cánh đến dưới 68.5 m) và tương đương trở xuống.
- Vị trí đỗ 35: Khai thác đến loại tàu bay code F (sải cánh đến dưới 68.5 m) và tương đương trở xuống.
- Vị trí đỗ 36, 36A, 36B: Điều chỉnh vạch dừng bánh mũi tịnh tiến về phía Đông 60.35 m; hướng mũi tàu bay quay về hướng Đông.

Ghi chú: Các vị trí đỗ 36, 36A, 36B: Sử dụng xe Follow-me dẫn tàu bay khi lăn vào.

### 2.1.4.2 Phương thức vận hành tàu bay:

#### 2.1.4.2.1 Đối với tàu bay đến:

- Vị trí đỗ 36:
  - Khi không có hoạt động khai thác phục vụ chuyến bay tại vị trí đỗ 29: Tàu bay sau khi hạ cánh lăn theo đường lăn S → đường lăn V3/V4/V5/V6/V7 → đường lăn V → vệt lăn W2 → vị trí đỗ (khi tàu bay đỗ chờ/qua đêm tại vị trí đỗ 29, tàu bay được lăn vào vị trí đỗ 36).
  - Tàu bay sau khi hạ cánh lăn theo đường lăn S → đường lăn V3/V4/V5/V6/V7 → đường lăn V, dừng đỗ tại vệt lăn W2 (mũi quay hướng Nam)/đường lăn V (mũi quay hướng Đông) và kéo đẩy theo vệt lăn W2 → vị trí đỗ.
- Vị trí đỗ 36A, 36B: Tàu bay sau khi hạ cánh lăn theo đường lăn S → đường lăn V2/V3/V4/V5/V6/V7 → đường lăn V → vệt lăn W2 → vị trí đỗ.
- Vị trí đỗ 42 (khi không có tàu bay đỗ tại vị trí 41): Tàu bay sau khi hạ cánh lăn theo đường lăn S → đường lăn V2/V3/V4/V5/V6/V7 → đường lăn V → vị trí 41 → vị trí đỗ.
- Các vị trí đỗ khác: Thực hiện theo huấn lệnh của Kiểm soát viên không lưu.

#### 2.1.4.2.2 Đối với tàu bay khởi hành:

- Vị trí đỗ 36, 36A, 36B:
  - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vệt lăn W2 → đường lăn V, mũi tàu bay quay hướng Đông hoặc hướng Tây để khởi hành.
  - Đối với loại tàu bay code D (sải cánh từ 36 m) và tương đương trở lên khai thác tại vị trí đỗ 36: Tàu bay chỉ được nổ máy khi đã được đẩy lùi ra vệt lăn W2/đường lăn V.
- Vị trí đỗ 37, 39, 41, 44A, 45, 46:
  - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V, mũi tàu bay quay hướng Đông hoặc hướng Tây để khởi hành.
  - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V → vệt lăn W5, mũi tàu bay quay hướng Bắc để khởi hành.
- Vị trí đỗ 42 (khi không có tàu bay đỗ tại vị trí 41): Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vị trí đỗ 41 → đường lăn V, mũi tàu bay quay hướng Đông hoặc hướng Tây để khởi hành.
- Vị trí đỗ 44 (khi không có tàu bay đỗ tại vị trí 44A):
  - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vị trí đỗ 44A → đường lăn V, mũi tàu bay quay hướng Đông hoặc hướng Tây để khởi hành.
  - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vị trí đỗ 44A → đường lăn V → vệt lăn W5, mũi tàu bay quay hướng Bắc để khởi hành.
- Các vị trí đỗ khác: Thực hiện theo huấn lệnh của Kiểm soát viên không lưu.

## 2.1.4 Phase 1B: From 0200 on 10 NOV 2024 to 0159 on 19 JAN 2025

### 2.1.4.1 Adjustment, addition of operational procedures:

- TWY V (A portion from stand 43/43A to stand 44/44A): Used for aircraft up to code F (wingspan up to but not including 68.5 m) and equivalent.
- Stand 35: Used for aircraft up to code F (wingspan up to but not including 68.5 m) and equivalent.
- Stands 36, 36A, 36B: Adjust the stop line of the nose wheel 60.35 m to the East; the nose of the aircraft faces the East.

Note: Stands 36, 36A, 36B: Follow the Follow-me car.

### 2.1.4.2 The aircraft operational procedures:

#### 2.1.4.2.1 For arriving aircraft:

- Stand 36:
  - When there is no aircraft operation at stand 29: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V3/V4/V5/V6/V7 → TWY V → taxilane W2 → stand (when the aircraft is parking/parking overnight at stand 29, the aircraft is allowed to taxi into stand 36).
  - After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V3/V4/V5/V6/V7 → TWY V, stop at TWY W2 (with its nose faces the South)/TWY V (with its nose faces the East) and is towed/pushed via TWY W2 → stand.
- Stands 36A, 36B: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY V → taxilane W2 → stand.
- Stand 42 (when there is no aircraft parking at stand 41): After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY V → stand 41 → stand.
- Other stands: Pilots are requested to follow ATC instructions strictly.

#### 2.1.4.2.2 For departing aircraft:

- Stands 36, 36A, 36B:
  - Aircraft is pushed back from stand → taxilane W5 W2 → TWY V, with its nose faces the East or the West for departure.
  - For aircraft code D (wingspan from 36 m) and above: The aircraft is only allowed to start the engine when it has been pushed back to taxilane W2/TWY V.
- Stands 37, 39, 41, 44A, 45, 46:
  - Aircraft is pushed back from stand → TWY V, with its nose faces the East or the West for departure.
  - Aircraft is pushed back from stand → TWY V → taxilane W5, with its nose faces the North for departure.
- Stand 42 (when there is no aircraft parking at stand 41): Aircraft is pushed back from stand → stand 41 → TWY V, with its nose faces the East or the West for departure.
- Stand 44 (when there is no aircraft parking at stand 44A):
  - Aircraft is pushed back from stand → stand 44A → TWY V, with its nose faces the East or the West for departure.
  - Aircraft is pushed back from stand → stand 44A → TWY V → taxilane W5, with its nose faces the North for departure.
- Other stands: Pilots are requested to follow ATC instructions strictly.

**2.2 Giai đoạn 2: Từ 0200 ngày 19/01/2025 đến 0159 ngày 14/02/2025.**

**2.2.1 Khu vực tạm dừng khai thác: Không**

**2.2.2 Điều chỉnh, bổ sung phương án khai thác:**

**Đưa vào khai thác trở lại:**

- Vệt lăn W3: Đoạn từ vị trí 35B đến vị trí 36B.
- Vệt lăn W4.
- Vị trí đỗ: 35A, 35B, 38, 40, 43, 43A.
- Đường công vụ R7 đoạn từ nút giao với đường công vụ R6 đến vị trí 39 và đoạn từ nút giao với đường công vụ R8 đến nút giao với đường công vụ R9.
- Vị trí đỗ 36, 36A, 36B: Điều chỉnh vạch dừng bánh mũi tịnh tiến về phía Tây 60.35 m; tàu bay đỗ theo hướng mũi tàu bay quay về hướng Tây (hoàn trả như trước khi thi công giai đoạn 1).

**Ghi chú:** Hủy bỏ phương án sử dụng xe Follow-me dẫn tàu bay khi lăn vào các vị trí đỗ 36, 36A, 36B.

**2.2.3 Phương thức vận hành tàu bay:** Thực hiện theo phương thức như trước khi thi công giai đoạn 1.

**2.3 Giai đoạn 3: Từ 0200 ngày 14/02/2025 đến 0159 ngày 24/04/2025, được chia làm 2 giai đoạn (3A và 3B).**

**2.3.1 Các khu vực thi công (gồm 2 khu vực: 2A, 2B):**

- Khu vực 2A:
  - Phía Bắc: Cách tim đường lăn V khoảng 31.30 m;
  - Phía Nam: Cách tim đường lăn V khoảng 46.30 m;
  - Phía Tây: Cách tim vệt lăn W3 khoảng 8.75 m.
  - Phía Đông: Cách tim vệt lăn vào vị trí đỗ 37/38 khoảng 44.00 m.
- Khu vực 2B:
  - Phía Bắc: Cách tim đường lăn V khoảng 46.30 m;
  - Phía Nam: Cách tim vệt lăn W4 khoảng 0.50 m;
  - Phía Tây: Cách tim vệt lăn W3 về phía Đông khoảng 8.75 m.
  - Phía Đông: Cách tim vệt lăn vào vị trí đỗ 37/38 khoảng 44.00 m.

Tham chiếu sơ đồ trang 17, 18.

**2.3.2 Các khu vực tạm dừng khai thác:**

- Vệt lăn W3.
- Vị trí đỗ: 36A, 36B.
- Đường công vụ R6 (Đoạn từ nút giao với đường công vụ R1 đến nút giao với đường công vụ R7).

**2.3.3 Giai đoạn 3A: Từ 0200 ngày 14/02/2025 đến 0159 ngày 15/03/2025**

**2.3.3.1 Điều chỉnh, bổ sung phương án khai thác:**

- Đường lăn V (Đoạn từ vị trí cách tim vệt lăn W3 về phía Tây là 38 m đến vị trí cách tim vệt lăn W3 về phía Đông là 38 m):
  - Khai thác đến loại tàu bay code C (sải cánh đến dưới 36 m) và tương đương trở xuống;
  - Tàu bay code D (sải cánh từ 36 m) và tương đương trở lên không di chuyển qua đoạn đường lăn này.

**2.2 Phase 2: From 0200 on 19 JAN 2025 to 0159 on 14 FEB 2025.**

**2.2.1 Temporarily closed area: NIL**

**2.2.2 Adjustment, addition of operational procedures:**

**Put into operation:**

- Taxilane W3: A portion from stand 35B to stand 36B.
- Taxilane W4.
- Stands: 35A, 35B, 38, 40, 43, 43A.
- Service road R7: A portion from the intersection with service road R6 to stand 39 and a portion from the intersection with service road R8 to the intersection with service road R9.
- Stands 36, 36A, 36B: Adjust the stop line of the nose wheel 60.35 m to the West; the nose of the aircraft faces the West (return as before the construction of phase 1).

**Note:** Cancel the procedure following the Follow-me car to stands 36, 36A, 36B.

**2.2.3 The aircraft operational procedures:** Apply the same operational procedures as before the construction phase 1.

**2.3 Phase 3: From 0200 on 14 FEB 2025 to 0159 on 24 APR 2025, is divided into 2 phases (3A and 3B).**

**2.3.1 Construction areas (includes 2A, 2B areas):**

- Area 2A:
  - Northern: About 31.30 m from the centre line of TWY V;
  - Southern: About 46.30 m from the centre line of TWY V;
  - Western: About 8.75 m from the centre line of taxilane W3;
  - Eastern: About 44.00 m from the centre line of lead-in lines of stand 37/38;
- Area 2B:
  - Northern: About 46.30 m from the centre line of TWY V;
  - Southern: About 0.50 m from the centre line of taxilane W4;
  - Western: About 8.75 m from the centre line of taxilane W3;
  - Eastern: About 44.00 m from the centre line of lead-in lines of stand 37/38;

Refer to pages 17, 18.

**2.3.2 Temporarily closed areas:**

- Taxilane W3.
- Stands: 36A, 36B.
- Service road R6 (A portion from the intersection with service road R1 to the intersection with service road R7).

**2.3.3 Phase 3A: From 0200 on 14 FEB 2025 to 0159 on 15 MAR 2025**

**2.3.3.1 Adjustment, addition of operational procedures:**

- TWY V: A portion from the position which is 38 m from the centre line of taxilane W3 to the West to the position which is 38 m from the centre line of taxilane W3 to the East:
  - Used for aircraft up to code C (wingspan up to but not including 36 m) and equivalent.
  - Aircraft code D (wingspan from 36 m) and above shall not move through this TWY.

- Vị trí đỗ 35, 35A, 35B: Điều chỉnh vạch dừng bánh mũi tịnh tiến về phía Đông 60.35 m; hướng mũi tàu bay quay về hướng Đông.
- Điều chỉnh vệt kéo đẩy tàu bay từ vệt lăn W4 ra vị trí 37, 38 thành vệt lăn.
- Bổ sung tín hiệu vệt lăn từ vị trí 37 vào vị trí 36.

**Ghi chú:** Các vị trí đỗ 35, 35A, 35B, 36, 38, 42, 43: Sử dụng xe Follow-me dẫn tàu bay khi lăn vào.

### 2.3.3.2 Phương thức vận hành tàu bay:

#### 2.3.3.2.1 Đối với tàu bay đến:

##### a) Đối với loại tàu bay code D (sải cánh từ 36 m) và tương đương trở lên:

- Vị trí đỗ từ 12 đến 28: Tàu bay sau khi hạ cánh lăn theo đường lăn S → đường lăn V3/V4/V5 → đường lăn V → vị trí đỗ.
- Vị trí đỗ 35: Tàu bay sau khi hạ cánh lăn theo đường lăn S → đường lăn V3/V4/V5 → đường lăn V → vệt lăn W2 → vị trí đỗ.
- Vị trí đỗ 36:
  - Khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 37, 38, 39, 40: Tàu bay sau khi hạ cánh lăn theo đường lăn S → đường lăn V6/V7 → đường lăn V → vị trí đỗ 37 → vị trí đỗ.
  - Tàu bay sau khi hạ cánh lăn theo đường lăn S → đường lăn V3/V4/V5 → đường lăn V, dừng đỗ tại đường lăn V (mũi tàu bay quay hướng Đông hoặc hướng Tây) và đẩy lùi theo vệt lăn W2 → vị trí đỗ.
- Vị trí đỗ 43 (khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 43A): Tàu bay sau khi hạ cánh lăn theo đường lăn S → đường lăn V6/V7 → đường lăn V → vị trí đỗ.
- Vị trí đỗ 44 (khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 44A): Tàu bay sau khi hạ cánh lăn theo đường lăn S → đường lăn V6/V7 → đường lăn V → vị trí đỗ.
- Vị trí đỗ từ 45 đến 55, 1H, 2H: Tàu bay sau khi hạ cánh lăn theo đường lăn S → đường lăn V6/V7 → đường lăn V → vị trí đỗ.
- Các vị trí đỗ khác: Thực hiện theo huấn lệnh của Kiểm soát viên không lưu.

##### b) Đối với loại tàu bay code C (sải cánh đến dưới 36m) và tương đương trở xuống:

- Vị trí đỗ 35A, 35B: Tàu bay sau khi hạ cánh lăn theo đường lăn S → đường lăn V2/V3/V4/V5/V6/V7 → đường lăn V → vệt lăn W2 → vị trí đỗ.
- Vị trí đỗ 36:
  - Khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 37, 38: Tàu bay sau khi hạ cánh lăn theo đường lăn S → đường lăn V2/V3/V4/V5/V6/V7 → đường lăn V → vị trí đỗ 37 → vị trí đỗ.
  - Tàu bay sau khi hạ cánh lăn theo đường lăn S → đường lăn V2/V3/V4/V5/V6/V7 → đường lăn V, dừng đỗ tại đường lăn V (mũi tàu bay quay hướng Đông hoặc hướng Tây) và đẩy lùi theo vệt lăn W2 → vị trí đỗ.
- Vị trí đỗ 38:
  - Khi không có tàu bay đỗ tại vị trí 37: Tàu bay sau khi hạ cánh lăn theo đường lăn S → đường lăn V2/V3/V4/V5/V6/V7 → đường lăn V → vị trí 37 → vị trí đỗ.
  - Khi không có tàu bay đỗ tại vị trí 41: Tàu bay sau khi hạ cánh lăn theo đường lăn S → đường lăn V2/V3/V4/V5/V6/V7 → đường lăn V → vị trí 41 → vệt lăn W4 → vị trí đỗ.
- Vị trí đỗ 40 (khi không có tàu bay đỗ tại vị trí 39): Tàu bay sau khi hạ cánh lăn theo đường lăn S → đường lăn V2/V3/V4/V5/V6/V7 → đường lăn V → vị trí 39 → vị trí đỗ.

- Stands 35, 35A, 35B: Adjust the stop line of the nose wheel 60.35 m to the East; the nose of the aircraft faces the East.
- Adjust the towing/pushing lane from taxilane W4 to stands 37, 38 into taxilane.
- Addition of taxilane signal from stand 37 into stand 36.

**Note:** Stands 35, 35A, 35B, 36, 38, 42, 43: Follow the Follow-me car.

### 2.3.3.2 The aircraft operational procedures:

#### 2.3.3.2.1 For arriving aircraft:

##### a) For aircraft code D (wingspan from 36 m) and above:

- Stands from 12 to 28: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V3/V4/V5 → TWY V → stand.
- Stand 35: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V3/V4/V5 → TWY V → taxilane W2 → stand.
- Stand 36:
  - When there is no aircraft operation at stands 37, 38, 39, 40: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V6/V7 → TWY V → stand 37 → stand.
  - After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V3/V4/V5 → TWY V, stop at TWY V (with its nose faces the East or the West) and is towed/pushed via taxilane W2 → stand.
- Stand 43 (when there is no aircraft parking at stand 43A): After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V6/V7 → TWY V → stand.
- Stand 44 (when there is no aircraft parking at stand 44A): After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V6/V7 → TWY V → stand.
- Stands from 45 to 55, 1H, 2H: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V6/V7 → TWY V → stand.
- Other stands: Pilots are requested to follow ATC instructions strictly.

##### b) For aircraft up to code C (wingspan up to but not including 36 m) and equivalent:

- Stands 35A, 35B: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY V → taxilane W2 → stand.
- Stand 36:
  - When there is no aircraft operation at stands 37, 38: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY V → stand 37 → stand.
  - After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY V, stop at TWY V (with its nose faces the East or the West) and is towed/pushed via taxilane W2 → stand.
- Stand 38:
  - When there is no aircraft operation at stand 37: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY V → stand 37 → stand.
  - When there is no aircraft operation at stand 41: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY V → stand 41 → taxilane W4 → stand.
- Stand 40 (when there is no aircraft parking at stand 39): After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY V → stand 39 → stand.

- Vị trí đỗ 42:
  - Khi không có tàu bay đỗ tại vị trí 41: Tàu bay sau khi hạ cánh lần theo đường lăn S → đường lăn V2/V3/V4/V5/V6/V7 → đường lăn V → vị trí 41 → vị trí đỗ.
  - Khi không có tàu bay đỗ tại vị trí 37: Tàu bay sau khi hạ cánh lần theo đường lăn S → đường lăn V2/V3/V4/V5/V6/V7 → đường lăn V → vị trí đỗ 37 → vệt lăn W4 → vị trí đỗ.
- Vị trí đỗ 43:
  - Khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 43A: Tàu bay sau khi hạ cánh lần theo đường lăn S → đường lăn V2/V3/V4/V5/V6/V7 → đường lăn V → vị trí 43A → vị trí đỗ.
  - Khi không có tàu bay đỗ tại vị trí 37: Tàu bay sau khi hạ cánh lần theo đường lăn S → đường lăn V2/V3/V4/V5/V6/V7 → đường lăn V → vị trí đỗ 37 → vệt lăn W4 → vị trí đỗ.
- Các vị trí đỗ khác: Thực hiện theo huấn lệnh của Kiểm soát viên không lưu.
- Stand 42:
  - When there is no aircraft parking at stand 41: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY V → stand 41 → stand.
  - When there is no aircraft parking at stand 37: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY V → stand 37 → taxiway W4 → stand.
- Stand 43:
  - When there is no aircraft parking at stand 43A: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY V → stand 43A → stand.
  - When there is no aircraft parking at stand 37: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY V → stand 37 → taxiway W4 → stand.
- Other stands: Pilots are requested to follow ATC instructions strictly.

#### 2.3.3.2.2 Đối với tàu bay khởi hành:

##### a) Đối với loại tàu bay code D (sải cánh từ 36 m) và tương đương trở lên:

- Vị trí đỗ 35: Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vệt lăn W2 → đường lăn V, mũi tàu bay quay hướng Đông hoặc hướng Tây để khởi hành theo đường lăn V3/V4/V5.
- Vị trí đỗ 36: Tàu bay khởi hành từ vị trí đỗ → vệt lăn W2 → đường lăn V → đường lăn V3/V4/V5 → đường lăn S để lên đường cất hạ cánh.
- Vị trí đỗ 43 (khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 43A):
  - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vị trí đỗ 43A → đường lăn V, mũi quay hướng Đông hoặc hướng Tây để khởi hành theo đường lăn V6/V7.
  - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vị trí đỗ 43A → đường lăn V → vệt lăn W5, mũi tàu bay quay hướng Bắc để khởi hành.
- Vị trí đỗ 44 (khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 44A):
  - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vị trí đỗ 44A → đường lăn V, mũi quay hướng Đông hoặc hướng Tây để khởi hành theo đường lăn V6/V7.
  - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vị trí đỗ 44A → đường lăn V → vệt lăn W5, mũi tàu bay quay hướng Bắc để khởi hành.
- Vị trí đỗ 45:
  - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V, mũi quay hướng Đông hoặc hướng Tây để khởi hành theo đường lăn V6/V7.
  - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V → vệt lăn W5, mũi tàu bay quay hướng Bắc để khởi hành theo đường lăn V6/V7.
- Các vị trí đỗ khác: Thực hiện theo huấn lệnh của Kiểm soát viên không lưu.

##### b) Đối với loại tàu bay code C (sải cánh đến dưới 36 m) và tương đương trở xuống:

- Vị trí đỗ 35A, 35B: Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vệt lăn W2 → đường lăn V, mũi tàu bay quay hướng Đông hoặc hướng Tây để khởi hành.
- Vị trí đỗ 37, 39, 41, 43A, 44 (khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 44A), 44A, 45, 46:
  - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V, mũi tàu bay quay hướng Đông hoặc hướng Tây để khởi hành.

#### 2.3.3.2.2 For departing aircraft:

##### a) For aircraft code D (wingspan from 36 m) and above:

- Stand 35: Aircraft is pushed back from stand → taxiway W2 → TWY V, with its nose faces the East or the West for departure via TWY V3/V4/V5.
- Stand 36: Aircraft from stand → taxiway W2 → TWY V → TWY V3/V4/V5 → TWY S for departure.
- Stand 43 (when there is no aircraft parking at stand 43A):
  - Aircraft is pushed back from stand → stand 43A → TWY V, with its nose faces the East or the West for departure via TWY V6/V7.
  - Aircraft is pushed back from stand → stand 43A → TWY V → taxiway W5, with its nose faces the North for departure.
- Stand 44 (when there is no aircraft parking at stand 44A):
  - Aircraft is pushed back from stand → stand 44A → TWY V, with its nose faces the East or the West for departure via TWY V6/V7.
  - Aircraft is pushed back from stand → stand 44A → TWY V → taxiway W5, with its nose faces the North for departure.
- Stand 45:
  - Aircraft is pushed back from stand → TWY V, with its nose faces the East or the West for departure via TWY V6/V7.
  - Aircraft is pushed back from stand → TWY V → taxiway W5, with its nose faces the North for departure via TWY V6/V7.
- Other stands: Pilots are requested to follow ATC instructions strictly.

##### b) For aircraft up to code C (wingspan up to but not including 36 m) and equivalent:

- Stands 35A, 35B: Aircraft is pushed back from stand → taxiway W2 → TWY V, with its nose faces the East or the West for departure.
- Stands 37, 39, 41, 43A, 44 (when there is no aircraft parking at stands 44A), 44A, 45, 46:
  - Aircraft is pushed back from stand → TWY V, with its nose faces the East or the West for departure.

- Đối với vị trí 44, 44A, 45, 46: Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V → vệt lăn W5, mũi tàu bay quay hướng Bắc để khởi hành.
- Vị trí đỗ 38, 40, 42 (khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 37/39/41): Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vị trí đỗ 37/39/41 → đường lăn V, mũi quay hướng Đông hoặc hướng Tây để khởi hành.
- Vị trí đỗ 43 (khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 37/39/41/43A): Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vị trí đỗ 37/39/41/43A → đường lăn V, mũi tàu bay quay hướng Đông hoặc hướng Tây để khởi hành.
- Các vị trí đỗ khác: Thực hiện theo huấn lệnh của Kiểm soát viên không lưu.

### 2.3.4 Giai đoạn 3B: Từ 0200 ngày 15/03/2025 đến 0159 ngày 24/04/2025

#### 2.3.4.1 Điều chỉnh, bổ sung phương án khai thác:

- Đường lăn V (Đoạn từ vị trí cách tìm vệt lăn W3 về phía Tây là 38 m đến vị trí cách tìm vệt lăn W3 về phía Đông là 38 m): Khai thác đến loại tàu bay code F (sải cánh đến dưới 68.5 m) và tương đương trở xuống.
- Vị trí đỗ 35, 35A, 35B: Điều chỉnh vạch dừng bánh mũi tịnh tiến về phía Đông 60.35 m; hướng mũi tàu bay quay về hướng Đông.
- Điều chỉnh vệt kéo đẩy tàu bay từ vệt lăn W4 ra vị trí 37, 38 thành vệt lăn.
- Bổ sung tín hiệu vệt lăn từ vị trí 37 vào vị trí 36.

Ghi chú: Các vị trí đỗ 35, 35A, 35B, 36, 38/42/43: Sử dụng xe Follow-me dẫn tàu bay khi lăn vào.

#### 2.3.4.2 Phương thức vận hành tàu bay:

##### 2.3.4.2.1 Đối với tàu bay đến:

- Vị trí đỗ 35: Tàu bay sau khi hạ cánh lăn theo đường lăn S → đường lăn V3/V4/V5/V6/V7 → đường lăn V → vệt lăn W2 → vị trí đỗ.
- Vị trí đỗ 35A, 35B: Tàu bay sau khi hạ cánh lăn theo đường lăn S → đường lăn V2/V3/V4/V5/V6/V7 → đường lăn V → vệt lăn W2 → vị trí đỗ.
- Vị trí đỗ 36:
  - Đối với loại tàu bay code D (sải cánh từ 36 m) và tương đương trở lên (khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 37, 38, 39, 40): Tàu bay sau khi hạ cánh lăn theo đường lăn S → đường lăn V3/V4/V5/V6/V7 → đường lăn V → vị trí đỗ 37 → vị trí đỗ.
  - Đối với loại tàu bay code C (sải cánh đến dưới 36 m) và tương đương trở xuống (khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 37, 38): Tàu bay sau khi hạ cánh lăn theo đường lăn S → đường lăn V2/V3/V4/V5/V6/V7 → đường lăn V → vị trí đỗ 37 → vị trí đỗ.
  - Tàu bay sau khi hạ cánh lăn theo đường lăn S → đường lăn V3/V4/V5/V6/V7 → đường lăn V, dừng đỗ tại đường lăn V và đẩy lùi theo vệt lăn W2 → vị trí đỗ.
- Vị trí đỗ 38:
  - Khi không có tàu bay đỗ tại vị trí 37: Tàu bay sau khi hạ cánh lăn theo đường lăn S → đường lăn V2/V3/V4/V5/V6/V7 → đường lăn V → vị trí 37 → vị trí đỗ.
  - Khi không có tàu bay đỗ tại vị trí 41: Tàu bay sau khi hạ cánh lăn theo đường lăn S → đường lăn V2/V3/V4/V5/V6/V7 → đường lăn V → vị trí 41 → vệt lăn W4 → vị trí đỗ.
- Vị trí 40 (khi không có tàu bay đỗ tại vị trí 39): Tàu bay sau khi hạ cánh lăn theo đường lăn S → đường lăn V2/V3/V4/V5/V6/V7 → đường lăn V → vị trí 39 → vị trí đỗ.
- Vị trí 42:

- For stands 44, 44A, 45, 46: Aircraft is pushed back from stand → TWY V → taxilane W5, with its nose faces the North for departure.
- Stands 38, 40, 42 (when there is no aircraft parking at stand 37/39/41): Aircraft is pushed back from stand → stand 37/39/41 → TWY V, with its nose faces the East or the West for departure.
- Stand 43 (when there is no aircraft parking at stand 37/39/41/43A): Aircraft is pushed back from stand → stand 37/39/41/43A → TWY V, with its nose faces the East or the West for departure.
- Other stands: Pilots are requested to follow ATC instructions strictly.

### 2.3.4 Phase 3B: From 0200 on 15 MAR 2025 to 0159 on 24 APR 2025

#### 2.3.4.1 Adjustment, addition of operational procedures:

- TWY V (A portion from the position which is 38 m from the centre line of taxilane W3 to the West to the position which is 38 m from the centre line of taxilane W3 to the East): Used for aircraft up to code F (wingspan up to but not including 68.5 m) and equivalent.
- Stands 35, 35A, 35B: Adjust the stop line of the nose wheel 60.35 m to the East; the nose of the aircraft faces the East.
- Adjust the towing/pushing lane from taxilane W4 to stands 37, 38 into taxilane.
- Addition of taxilane signal from stand 37 into stand 36.

Note: Stands 35, 35A, 35B, 36, 38/42/43: Follow the Follow-me car.

#### 2.3.4.2 The aircraft operational procedures:

##### 2.3.4.2.1 For arriving aircraft:

- Stand 35: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V3/V4/V5/V6/V7 → TWY V → taxilane W2 → stand.
- Stands 35A, 35B: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY V → taxilane W2 → stand.
- Stand 36:
  - For aircraft code D (wingspan from 36 m) and above (when there is no aircraft operation at stands 37, 38, 39, 40): After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V3/V4/V5/V6/V7 → TWY V → stand 37 → stand.
  - For aircraft up to code C (wingspan up to but not including 36 m) and equivalent (when there is no aircraft operation at stands 37, 38): After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY V → stand 37 → stand.
  - After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V3/V4/V5/V6/V7 → TWY V, stop at TWY V and is towed/pushed via taxilane W2 → stand.
- Stand 38:
  - When there is no aircraft parking at stand 37: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY V → stand 37 → stand.
  - When there is no aircraft parking at stand 41: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY V → stand 41 → taxilane W4 → stand.
- Stand 40 (when there is no aircraft parking at stand 39): After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY V → stand 39 → stand.
- Stand 42:



- Khi không có tàu bay đỗ tại vị trí 41: Tàu bay sau khi hạ cánh lần theo đường lăn S → đường lăn V2/V3/V4/V5/V6/V7 → đường lăn V → vị trí 41 → vị trí đỗ.
  - Khi không có tàu bay đỗ tại vị trí 37: Tàu bay sau khi hạ cánh lần theo đường lăn S → đường lăn V2/V3/V4/V5/V6/V7 → đường lăn V → vị trí đỗ 37 → vệt lăn W4 → vị trí đỗ.
- Vị trí đỗ 43:
- Khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 43A: Tàu bay sau khi hạ cánh lần theo đường lăn S → đường lăn V3/V4/V5/V6/V7 → đường lăn V → vị trí 43A → vị trí đỗ.
  - Đối với loại tàu bay code C (sải cánh đến dưới 36 m) và tương đương trở xuống (khi không có tàu bay đỗ tại vị trí 37): Tàu bay sau khi hạ cánh lần theo đường lăn S → đường lăn V2/V3/V4/V5/V6/V7 → đường lăn V → vị trí đỗ 37 → vệt lăn W4 → vị trí đỗ.
- Các vị trí đỗ khác: Thực hiện theo huấn lệnh của Kiểm soát viên không lưu.

#### 2.3.4.2.2 Đối với tàu bay khởi hành:

- Vị trí đỗ 35, 35A, 35B: Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vệt lăn W2 → đường lăn V, mũi tàu bay quay hướng Đông hoặc hướng Tây để khởi hành.
- Vị trí đỗ 37, 39, 41, 43A, 44A, 45, 46:
  - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V, mũi tàu bay quay hướng Đông hoặc hướng Tây để khởi hành.
  - Đối với vị trí 43A, 44A, 45, 46: Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V → vệt lăn W5, mũi tàu bay quay hướng Bắc để khởi hành.
- Vị trí đỗ 38, 40, 42 (khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 37/39/41): Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vị trí đỗ 37/39/41 → đường lăn V, mũi quay hướng Đông hoặc hướng Tây để khởi hành.
- Vị trí đỗ 43:
  - Khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 43A: Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vị trí đỗ 43A → đường lăn V, mũi quay hướng Đông hoặc hướng Tây để khởi hành.
  - Khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 43A: Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vị trí đỗ 43A → đường lăn V → vệt lăn W5, mũi tàu bay quay hướng Bắc để khởi hành.
  - Đối với loại tàu bay code C (sải cánh đến dưới 36 m) và tương đương trở xuống (khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 37/39/41/43A): Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vị trí đỗ 37/39/41/43A → đường lăn V, mũi tàu bay quay hướng Đông hoặc hướng Tây để khởi hành.
- Vị trí đỗ 44 (khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 44A):
  - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vị trí đỗ 44A → đường lăn V, mũi quay hướng Đông hoặc hướng Tây để khởi hành.
  - Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vị trí đỗ 44A → đường lăn V → vệt lăn W5, mũi tàu bay quay hướng Bắc để khởi hành.
- Các vị trí đỗ khác: Thực hiện theo huấn lệnh của Kiểm soát viên không lưu.

## 2.4 Vị trí đỗ phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang trong quá trình thi công

### 2.4.1 Giai đoạn 1: Từ 0200 ngày 02/10/2024 đến 0159 ngày 19/01/2025, được chia làm 2 giai đoạn (1A và 1B)

#### 2.4.1.1 Giai đoạn 1A: Từ 0200 ngày 02/10/2024 đến 0159 ngày 10/11/2024

##### 2.4.1.1.1 Điều chỉnh, bổ sung phương án khai thác:

- Các vị trí đỗ phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang trong giai đoạn 1A: 35, 36, 36A, 36B, 28, 28A, 28B, 29.

- When there is no aircraft parking at stand 41: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY V → stand 41 → stand.
  - When there is no aircraft parking at stand 37: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY V → stand 37 → taxiway W4 → stand.
- Stand 43:
- When there is no aircraft parking at stand 43A: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V3/V4/V5/V6/V7 → TWY V → stand 43A → stand.
  - For aircraft up to code C (wingspan up to but not including 36 m) and equivalent (when there is no aircraft operation at stand 37): After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V2/V3/V4/V5/V6/V7 → TWY V → stand 37 → taxiway W4 → stand.
- Other stands: Pilots are requested to follow ATC instructions strictly.

#### 2.3.4.2.2 For departing aircraft:

- Stands 35, 35A, 35B: Aircraft is pushed back from stand → taxiway W2 → TWY V, with its nose faces the East or the West for departure.
- Stands 37, 39, 41, 43A, 44A, 45, 46:
  - Aircraft is pushed back from stand → TWY V, with its nose faces the East or the West for departure.
  - For stand 43A, 44A, 45, 46: Aircraft is pushed back from stand → TWY V → taxiway W5, with its nose faces the North for departure.
- Stands 38, 40, 42 (when there is no aircraft operation at stand 37/39/41): Aircraft is pushed back from stand → stand 37/39/41 → TWY V, with its nose faces the East or the West for departure.
- Stand 43:
  - When there is no aircraft parking at stand 43A: Aircraft is pushed back from stand → stand 43A → TWY V, with its nose faces the East or the West for departure.
  - When there is no aircraft parking at stand 43A: Aircraft is pushed back from stand → stand 43A → TWY V → taxiway W5 with its nose faces the North for departure.
  - For aircraft up to code C (wingspan up to but not including 36 m) and equivalent (when there is no aircraft operation at stand 37/39/41/43A): Aircraft is pushed back from stand → stand 37/39/41/43A → TWY V, with its nose faces the East or the West for departure.
- Stand 44 (when there is no aircraft parking at stand 44A):
  - Aircraft is pushed back from stand → stand 44A → TWY V, with its nose faces the East or the West for departure.
  - Aircraft is pushed back from stand → stand 44A → TWY V → taxiway W5, with its nose faces the North for departure.
- Other stands: Pilots are requested to follow ATC instructions strictly.

## 2.4 Aircraft stand to serving VIP flights during construction

### 2.4.1 Phase 1: From 0200 on 02 OCT 2024 to 0159 on 19 JAN 2025, is divided into 2 phases (1A and 1B)

#### 2.4.1.1 Phase 1A: From 0200 on 02 OCT 2024 to 0159 on 10 NOV 2024

##### 2.4.1.1.1 Adjustment, addition of operational procedures:

- Stands serving VIP flight in phase 1A: 35, 36, 36A, 36B, 28, 28A, 28B, 29.

- Các vị trí đỗ 35A, 35B: Tạm dừng khai thác phục vụ chuyên cơ, chuyên khoang.
- Vị trí đỗ 35: Khai thác đến loại tàu bay code E (sải cánh đến dưới 65 m) và tương đương trở xuống; mũi tàu bay quay về hướng Tây.
- Vị trí đỗ 36, 36A, 36B: Điều chỉnh vạch dừng bánh mũi tịnh tiến về phía Đông 60.35m; mũi tàu bay quay về hướng Đông.

#### 2.4.1.1.2 Phương án vận hành, khai thác:

##### 2.4.1.1.2.1 Đối với tàu bay đến:

##### a) Đối với loại tàu bay code D (sải cánh từ 36 m) và tương đương trở lên:

- Vị trí đỗ 35: Tàu bay sau khi hạ cánh lần theo đường lăn S → đường lăn V4/V5 → đường lăn V → vệt lăn W3 → vị trí đỗ.
- Vị trí đỗ 28: Tàu bay sau khi hạ cánh lần theo đường lăn S → đường lăn V4/V5 → đường lăn V → vị trí đỗ.
- Vị trí đỗ 36: Tàu bay sau khi hạ cánh lần theo đường lăn S → đường lăn V4/V5 → đường lăn V → vệt lăn W2 → vị trí đỗ (khi không có hoạt động khai thác tại vị trí 29).

##### b) Đối với loại tàu bay code C (sải cánh đến dưới 36 m) và tương đương trở xuống:

- Vị trí đỗ 36A, 36B: Tàu bay sau khi hạ cánh lần theo đường lăn S → đường lăn V4/V5/V6 → đường lăn V → vệt lăn W2 → vị trí đỗ.
- Vị trí đỗ 28A, 28B, 29: Tàu bay sau khi hạ cánh lần theo đường lăn S → đường lăn V4/V5/V6 → đường lăn V → vị trí đỗ.

##### 2.4.1.1.2.2 Đối với tàu bay khởi hành:

##### a) Đối với loại tàu bay code D (sải cánh từ 36 m) và tương đương trở lên:

- Vị trí đỗ 35: Tàu bay khởi hành từ vị trí đỗ → vệt lăn W2 → đường lăn V → đường lăn V4/V5 → đường lăn S để lên đường cất hạ cánh.
- Vị trí đỗ 36: Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vệt lăn W2 → đường lăn V, mũi tàu bay quay hướng Đông hoặc hướng Tây để khởi hành theo đường lăn V4/V5.
- Vị trí đỗ 28: Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V, mũi tàu bay quay hướng Đông hoặc hướng Tây để khởi hành theo đường lăn V4/V5.

##### b) Đối với loại tàu bay code C (sải cánh đến dưới 36 m) và tương đương trở xuống:

- Vị trí đỗ 36A, 36B: Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vệt lăn W2 → đường lăn V, mũi tàu bay quay hướng Đông hoặc hướng Tây để khởi hành.
- Vị trí đỗ 28A, 28B, 29: Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V, mũi tàu bay quay hướng Đông hoặc hướng Tây để khởi hành.
- Vị trí đỗ 35: Tàu bay khởi hành từ vị trí đỗ → vệt lăn W2 → đường lăn V → đường lăn V4/V5 → đường lăn S để lên đường cất hạ cánh.

#### 2.4.1.2 Giai đoạn 1B: Từ 0200 ngày 10/11/2024 đến 0159 ngày 19/01/2025

##### 2.4.1.2.1 Điều chỉnh, bổ sung phương án khai thác:

- Các vị trí đỗ phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang trong giai đoạn 1B: 35, 36, 36A, 36B, 28, 28A, 28B, 29.
- Vị trí đỗ 35A, 35B: Tạm dừng khai thác phục vụ chuyên cơ, chuyên khoang.

- Stands 35A, 35B: Temporarily operation serving VIP flight.

- Stand 35: Used for aircraft up to code E (wingspan up to but not including 65 m) and equivalent; the nose of the aircraft faces the West.

- Stands 36, 36A, 36B: Adjust the stop line of the nose wheel 60.35 m to the East; the nose of the aircraft faces the East.

#### 2.4.1.1.2 Aircraft operational procedures

##### 2.4.1.1.2.1 For arriving aircraft:

##### a) For aircraft code D (wingspan from 36 m) and above:

- Stand 35: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V4/V5 → TWY V → taxilane W3 → stand.
- Stand 28: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V4/V5 → TWY V → stand.
- Stand 36: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V4/V5 → TWY V → taxilane W2 → stand (when there is no aircraft parking at stand 29).

##### b) For aircraft up to code C (wingspan up to but not including 36 m) and equivalent:

- Stands 36A, 36B: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V4/V5/V6 → TWY V → taxilane W2 → stand.
- Stand 28A, 28B, 29: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V4/V5/V6 → TWY V → stand.

##### 2.4.1.1.2.2 For departing aircraft:

##### a) For aircraft code D (wingspan from 36 m) and above:

- Stand 35: Aircraft from stand → taxilane W2 → TWY V → TWY V4/V5 → TWY S for departure.
- Stand 36: Aircraft is pushed back from stand → taxilane W2 → TWY V, with its nose faces the East or the West for departure via TWY V4/V5.
- Stand 28: Aircraft is pushed back from stand → TWY V, with its nose faces the East or the West for departure via TWY V4/V5.

##### b) For aircraft up to code C (wingspan up to but not including 36 m) and equivalent:

- Stands 36A, 36B: Aircraft is pushed back from stand → taxilane W2 → TWY V, with its nose faces the East or the West for departure.
- Stands 28A, 28B, 29: Aircraft is pushed back from stand → TWY V, with its nose faces the East or the West for departure.
- Stand 35: Aircraft is pushed back from stand → taxilane W2 → TWY V → TWY V4/V5 → TWY S for departure.

#### 2.4.1.2 Phase 1B: From 0200 on 10 NOV 2024 to 0159 on 19 JAN 2025

##### 2.4.1.2.1 Adjustment, addition of operational procedures:

- Stands serving VIP flight in phase 1B: 35, 36, 36A, 36B, 28, 28A, 28B, 29.
- Stands 35A, 35B: Temporarily operation serving VIP flight.

- Vị trí đỗ 35: Khai thác đến loại tàu bay code F (sải cánh đến dưới 68.5 m) và tương đương trở xuống.
- Vị trí đỗ 36, 36A, 36B: Điều chỉnh vạch dừng bánh mũi tịnh tiến về phía Đông 60.35 m; hướng mũi tàu bay quay về hướng Đông.

#### 2.4.1.2.2 Phương án vận hành, khai thác:

##### 2.4.1.2.2.1 Đối với tàu bay đến:

- Vị trí đỗ 35: Tàu bay sau khi hạ cánh lần theo đường lăn S → đường lăn V4/V5/V6 → đường lăn V → vệt lăn W3 → vị trí đỗ.
- Vị trí đỗ 28, 28A, 28B, 29: Tàu bay sau khi hạ cánh lần theo đường lăn S → đường lăn V4/V5/V6 → đường lăn V → vị trí đỗ
- Vị trí đỗ 36: Tàu bay sau khi hạ cánh lần theo đường lăn S → đường lăn V4/V5/V6 → đường lăn V → vệt lăn W2 → vị trí đỗ (Không có hoạt động khai thác tại vị trí 29).

##### 2.4.1.2.2.2 Đối với tàu bay khởi hành:

- Vị trí đỗ 35: Tàu bay khởi hành từ vị trí đỗ → vệt lăn W2 → đường lăn V → đường lăn V4/V5 → đường lăn S để lên đường cất hạ cánh.
- Vị trí đỗ 36, 36A, 36B: Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vệt lăn W2 → đường lăn V, mũi tàu bay quay hướng Đông hoặc hướng Tây để khởi hành theo đường lăn V4/V5.
- Vị trí đỗ 28, 28A, 28B, 29: Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V, mũi tàu bay quay hướng Đông hoặc hướng Tây để khởi hành theo đường lăn V4/V5/V6.

#### 2.4.2 Giai đoạn 2: Từ 0200 ngày 19/01/2025 đến 0159 ngày 14/02/2025

##### 2.4.2.1 Điều chỉnh, bổ sung phương án khai thác:

###### Đưa vào khai thác trở lại:

- Vị trí đỗ phục vụ chuyên cơ: 35A, 35B
- Vệt lăn W3: Đoạn từ vị trí 35B đến vị trí 36B.
- Vệt lăn W4.
- Vị trí đỗ 36, 36A, 36B: Điều chỉnh vạch dừng bánh mũi tịnh tiến về phía Tây 60.35 m; tàu bay đỗ theo hướng mũi tàu bay quay về hướng Tây.

##### 2.4.2.2 Phương án vận hành, khai thác vị trí đỗ chuyên cơ, chuyên khoang: Thực hiện theo phương án như trước khi thi công giai đoạn 1.

#### 2.4.3 Giai đoạn 3: Từ 0200 ngày 14/02/2025 đến 0159 ngày 24/4/2025, được chia làm 2 giai đoạn (3A và 3B)

##### 2.4.3.1 Giai đoạn 3A: Từ 0200 ngày 14/02/2025 đến 0159 ngày 15/03/2025

###### 2.4.3.1.1 Điều chỉnh, bổ sung phương án khai thác:

- Các vị trí đỗ phục vụ chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang trong giai đoạn 2A: 35, 36, 28, 28A, 28B, 29.
- Vị trí đỗ 36A, 36B: Tạm dừng khai thác phục vụ chuyên cơ, chuyên khoang.
- Đường lăn V (Đoạn từ vị trí cách tim vệt lăn W3 về phía Tây là 38 m đến vị trí cách tim vệt lăn W3 về phía Đông là 38 m):
  - Khai thác đến loại tàu bay code C (sải cánh đến dưới 36 m) và tương đương trở xuống;
  - Tàu bay code D (sải cánh từ 36 m) và tương đương trở lên không di chuyển qua đoạn đường lăn này.

- Stand 35: Used for aircraft up to code F (wingspan up to but not including 68.5 m) and equivalent.

- Stands 36, 36A, 36B: Adjust the stop line of the nose wheel 60.35 m to the East; the nose of the aircraft faces the East.

#### 2.4.1.2.2 Aircraft operational procedures

##### 2.4.1.2.2.1 For arriving aircraft:

- Stand 35: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V4/V5/V6 → TWY V → taxilane W3 → stand.
- Stands 28, 28A, 28B, 29: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V4/V5/V6 → TWY V → stand.
- Stand 36: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V4/V5/V6 → TWY V → taxilane W2 → stand (when there is no aircraft parking at stand 29).

##### 2.4.1.2.2.2 For departing aircraft:

- Stand 35: Aircraft from stand → taxilane W2 → TWY V → TWY V4/V5 → TWY S for departure.
- Stands 36, 36A, 36B: Aircraft is pushed back from stand → taxilane W2 → TWY V, with its nose faces the East or the West for departure via TWY V4/V5.
- Stands 28, 28A, 28B, 29: Aircraft is pushed back from stand → TWY V, with its nose faces the East or the West for departure via TWY V4/V5/V6.

#### 2.4.2 Phase 2: From 0200 on 19 JAN 2025 to 0159 on 14 FEB 2025

##### 2.4.2.1 Adjustment, addition of operational procedures:

###### Put into operation:

- Stands serving VIP flight: 35A, 35B.
- Taxilane W3: A portion from stand 35B to stand 36B.
- Taxilane W4.
- Stands 36, 36A, 36B: Adjust the stop line of the nose wheel 60.35 m to the West; the nose of the aircraft faces the West.

##### 2.4.2.2 The aircraft stand operational procedures of VIP flights: Follows the same operational procedures as before constructions phase 1.

#### 2.4.3 Phase 3: From 0200 on 14 FEB 2025 to 0159 on 24 APR 2025, is divided into 2 phases (3A and 3B)

##### 2.4.3.1 Phase 3A: From 0200 on 14 FEB 2025 to 0159 on 15 MAR 2025

###### 2.4.3.1.1 Adjustment, addition of operational procedures:

- Stands serving VIP flight in phase 2A: 35, 36, 28, 28A, 28B, 29.
- Stands 36A, 36B: Temporarily operation serving VIP flight.
- TWY V (A portion from the position which is 38 m from the centre line of taxilane W3 to the West to the position which is 38 m from the centre line of taxilane W3 to the East):
  - Used for aircraft up to code C (wingspan up to but not including 36 m) and equivalent.
  - Aircraft code D (wingspan from 36 m) and above shall not move through this TWY.

- Vị trí đỗ 35, 35A, 35B: Điều chỉnh vạch dừng bánh mũi tịnh tiến về phía Đông 60.35 m; tàu bay đỗ theo hướng mũi tàu bay quay về hướng Đông.
- Điều chỉnh vệt kéo đẩy tàu bay từ vệt lăn W4 ra vị trí 37, 38 thành vệt lăn.
- Bổ sung tín hiệu vệt lăn từ vị trí đỗ 37 vào vị trí đỗ 36.

#### 2.4.3.1.2 Phương thức vận hành tàu bay:

##### 2.4.3.1.2.1 Đối với tàu bay đến:

###### a) Đối với loại tàu bay code D (sải cánh từ 36 m) và tương đương trở lên:

- Vị trí đỗ 35: Tàu bay sau khi hạ cánh lăn theo đường lăn S → đường lăn V4/V5 → đường lăn V → vệt lăn W2 → vị trí đỗ.
- Vị trí đỗ 36: Tàu bay sau khi hạ cánh lăn theo đường lăn S → đường lăn V6/V7 → đường lăn V → vị trí đỗ 37 → vị trí đỗ (Không bố trí tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 37, 38, 39, 40).
- Vị trí đỗ 28: Tàu bay sau khi hạ cánh lăn theo đường lăn S → đường lăn V4/V5 → đường lăn V → vị trí đỗ.

###### b) Đối với loại tàu bay code C (sải cánh đến dưới 36m) và tương đương trở xuống:

- Vị trí đỗ 35A, 35B: Tàu bay sau khi hạ cánh lăn theo đường lăn S → đường lăn V4/V5/V6 → đường lăn V → vệt lăn W2 → vị trí đỗ.
- Vị trí đỗ 36: Tàu bay sau khi hạ cánh lăn theo đường lăn S → đường lăn V4/V5/V6 → đường lăn V → vị trí đỗ 37 → vị trí đỗ (không bố trí tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 37, 38).
- Vị trí đỗ 28A, 28B, 29: Tàu bay sau khi hạ cánh lăn theo đường lăn S → đường lăn V4/V5/V6 → đường lăn V → vị trí đỗ.

##### 2.4.3.1.2.2 Đối với tàu bay khởi hành:

###### a) Đối với loại tàu bay code D (sải cánh từ 36 m) và tương đương trở lên:

- Vị trí đỗ 35: Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vệt lăn W2 → đường lăn V, mũi tàu bay quay hướng Đông hoặc hướng Tây để khởi hành theo đường lăn V4/V5.
- Vị trí đỗ 36: Tàu bay khởi hành từ vị trí đỗ → vệt lăn W2 → đường lăn V → đường lăn V4/V5 → đường lăn S để lên đường cất hạ cánh.
- Vị trí đỗ 28: Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V, mũi tàu bay quay hướng Đông hoặc hướng Tây để khởi hành theo đường lăn V4/V5.

###### b) Đối với loại tàu bay code C (sải cánh đến dưới 36 m) và tương đương trở xuống:

- Vị trí đỗ 35A, 35B: Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vệt lăn W2 → đường lăn V, mũi tàu bay quay hướng Đông hoặc hướng Tây để khởi hành.
- Vị trí đỗ 36: Tàu bay khởi hành từ vị trí đỗ → vệt lăn W2 → đường lăn V → đường lăn V4/V5/V6 → đường lăn S để lên đường cất hạ cánh.
- Vị trí đỗ 28, 28A, 28B, 29: Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V, mũi tàu bay quay hướng Đông hoặc hướng Tây để khởi hành theo đường lăn V4/V5/V6.

#### 2.4.3.2 Giai đoạn 3B: Từ 0200 ngày 15/03/2025 đến 0159 ngày 24/04/2025

##### 2.4.3.2.1 Điều chỉnh, bổ sung phương án khai thác:

- Stands 35, 35A, 35B: Adjust the stop line of the nose wheel 60.35 m to the East; the nose of the aircraft faces the East.
- Adjust the towing/pushing lane from taxilane W4 to stands 37, 38 into taxilane.
- Addition of taxilane signal from stand 37 into stand 36.

#### 2.4.3.1.2 The aircraft operational procedures:

##### 2.4.3.1.2.1 For arriving aircraft:

###### a) For aircraft code D (wingspan from 36 m) and above:

- Stand 35: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V4/V5 → TWY V → taxilane W2 → stand.
- Stand 36: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V6/V7 → stand 37 → stand (do not allowed arrange aircraft at stands 37, 38, 39, 40).
- Stand 28: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V4/V5 → TWY V → stand.

###### b) For aircraft up to code C (wingspan up to but not including 36 m) and equivalent:

- Stands 35A, 35B: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V4/V5/V6 → TWY V → taxilane W2 → stand.
- Stand 36: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V4/V5/V6 → TWY V → stand 37 → stand (when there is no aircraft parking at stands 37, 38).
- Stands 28A, 28B, 29: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V4/V5/V6 → TWY V → stand.

##### 2.4.3.1.2.2 For departing aircraft:

###### a) For aircraft code D (wingspan from 36 m) and above:

- Stand 35: Aircraft is pushed back from stand → taxilane W2 → TWY V, with its nose faces the East or the West for departure via TWY V4/V5.
- Stands 36: Aircraft from stand → taxilane W2 → TWY V → TWY V4/V5 → TWY S for departure.
- Stands 28: Aircraft is pushed back from stand → TWY V, with its nose faces the East or the West for departure via TWY V4/V5.

###### b) For aircraft up to code C (wingspan up to but not including 36 m) and equivalent:

- Stands 35A, 35B: Aircraft is pushed back from stand → taxilane W2 → TWY V, with its nose faces the East or the West for departure.
- Stands 36: Aircraft from stand → taxilane W2 → TWY V → TWY V4/V5/V6 → TWY S for departure.
- Stands 28, 28A, 28B, 29: Aircraft is pushed back from stand → TWY V, with its nose faces the East or the West for departure via TWY V4/V5/V6.

#### 2.4.3.2 Phase 3B: From 0200 on 15 MAR 2025 to 0159 on 24 APR 2025

##### 2.4.3.2.1 Adjustment, addition of operational procedures:

- Vị trí đỗ 36A, 36B: Tạm dừng khai thác phục vụ chuyên cơ, chuyên khoang.
- Đường lăn V (Đoạn từ vị trí cách tim vệt lăn W3 về phía Tây là 38 m đến vị trí cách tim vệt lăn W3 về phía Đông là 38 m): Khai thác đến loại tàu bay code F (sải cánh đến dưới 68.5 m) và tương đương trở xuống.
- Vị trí đỗ 35, 35A, 35B: Điều chỉnh vạch dừng bánh mũi tịnh tiến về phía Đông 60.35 m; tàu bay đỗ theo hướng mũi tàu bay quay về hướng Đông.
- Điều chỉnh vệt kéo đẩy tàu bay từ vệt lăn W4 ra vị trí 37, 38 thành vệt lăn.
- Bổ sung tín hiệu vệt lăn từ vị trí đỗ 37 vào vị trí đỗ 36.

#### 2.4.3.2.2 Phương án vận hành, khai thác:

##### 2.4.3.2.2.1 Đối với tàu bay đến:

- Vị trí đỗ 35: Tàu bay sau khi hạ cánh lăn theo đường lăn S → đường lăn V4/V5/V6 → đường lăn V → vệt lăn W2 → vị trí đỗ.
- Vị trí đỗ 36:
  - Đối với loại tàu bay code D (sải cánh từ 36 m) và tương đương trở lên: Tàu bay sau khi hạ cánh lăn theo đường lăn S → đường lăn V4/V5/V6 → đường lăn V → vị trí đỗ 37 → vị trí đỗ (Không bố trí tàu bay tại các vị trí đỗ 37, 38, 39, 40).
  - Đối với loại tàu bay code C (sải cánh đến dưới 36 m) và tương đương trở xuống: Tàu bay sau khi hạ cánh lăn theo đường lăn S → đường lăn V4/V5/V6 → đường lăn V → vị trí đỗ 37 → vị trí đỗ (không bố trí tàu bay tại các vị trí đỗ 37, 38).
- Vị trí đỗ 28, 28A, 28B, 29: Tàu bay sau khi hạ cánh lăn theo đường lăn S → đường lăn V4/V5/V6 → đường lăn V → vị trí đỗ.

##### 2.4.3.2.2.2 Đối với tàu bay khởi hành:

- Vị trí đỗ 35, 35A, 35B: Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → vệt lăn W2 → đường lăn V, mũi tàu bay quay hướng Đông hoặc hướng Tây để khởi hành.
- Vị trí đỗ 36: Tàu bay khởi hành từ vị trí đỗ → vệt lăn W2 → đường lăn V → đường lăn V4/V5/V6 → đường lăn S để lên đường cất hạ cánh.
- Vị trí đỗ 28, 28A, 28B, 29: Tàu bay được đẩy lùi từ vị trí đỗ → đường lăn V, mũi tàu bay quay hướng Đông hoặc hướng Tây để khởi hành theo đường lăn V4/V5/V6.

### 3 HIỆU LỰC

Tập bổ sung AIP này sẽ có hiệu lực từ 0200 ngày 02/10/2024 đến 0159 ngày 24/4/2025.

### 4 HỦY BỎ

Bất kỳ thay đổi nào liên quan đến Tập bổ sung AIP này sẽ được thông báo bằng NOTAM.

**Tập bổ sung AIP này gồm 5 phụ đính như sau:**

Sơ đồ mặt bằng sân đỗ/vị trí đỗ tàu bay trong thời gian thi công giai đoạn 1A: Từ 0200 ngày 02/10/2024 đến 0159 ngày 10/11/2024

Sơ đồ mặt bằng sân đỗ/vị trí đỗ tàu bay trong thời gian thi công giai đoạn 1B: Từ 0200 ngày 10/11/2024 đến 0159 ngày 19/01/2025

Sơ đồ mặt bằng sân đỗ/vị trí đỗ tàu bay trong thời gian thi công giai đoạn 2: Từ 0200 ngày 19/01/2025 đến 0159 ngày 14/02/2025

Sơ đồ mặt bằng sân đỗ/vị trí đỗ tàu bay trong thời gian thi công giai đoạn 3A: Từ 0200 ngày 14/02/2025 đến 0159 ngày 15/03/2025

Sơ đồ mặt bằng sân đỗ/vị trí đỗ tàu bay trong thời gian thi công giai đoạn 3B: Từ 0200 ngày 15/03/2025 đến 0159 ngày 24/04/2025

Stands 36A, 36B: Temporarily operation serving VIP flight.

TWY V (A portion from the position which is 38 m from the centre line of taxiway W3 to the West to the position which is 38 m from the centre line of taxiway W3 to the East): Used for aircraft up to code F (wingspan up to but not including 68.5 m) and equivalent.

Stands 35, 35A, 35B: Adjust the stop line of the nose wheel 60.35 m to the East; the nose of the aircraft faces the East.

Adjust the towing/pushing lane taxiway from taxiway W4 to stands 37, 38 into taxiway.

Addition of taxiway signal from stand 37 into stand 36.

#### 2.4.3.2.2 Aircraft operational procedures:

##### 2.4.3.2.2.1 For arriving aircraft:

- Stand 35: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V4/V5/V6 → TWY V → taxiway W2 → stand.
- Stand 36:
  - For aircraft code D (wingspan from 36 m) and above: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V4/V5/V6 → TWY V → stand 37 → stand (when there is no aircraft parking at stands 37, 38, 39, 40).
  - For aircraft up to code C (wingspan up to but not including 36 m) and equivalent: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V4/V5/V6 → TWY V → stand 37 → stand (when there is no aircraft parking at stands 37, 38).
- Stands 28, 28A, 28B, 29: After landing, aircraft taxi via TWY S → TWY V4/V5/V6 → TWY V → stand.

##### 2.4.3.2.2.2 For departing aircraft:

- Stand 35, 35A, 35B: Aircraft is pushed back from stand → taxiway W2 → TWY V, with its nose faces the East or the West for departure.
- Stands 36: Aircraft is pushed back from stand → taxiway W2 → TWY V4/V5/V6 → TWY S for departure.
- Stands 28, 28A, 28B, 29: Aircraft is pushed back from stand → TWY V, with its nose faces the East or the West for departure via TWY V4/V5/V6.

### 3 EFFECT

This AIP Supplement shall become effective from 0200 on 02 OCT 2024 to 0159 on 24 APR 2025.

### 4 CANCELLATION

Any change relating to this AIP Supplement shall be notified by NOTAM.

**This AIP Supplement consists of 5 attachment as follows:**

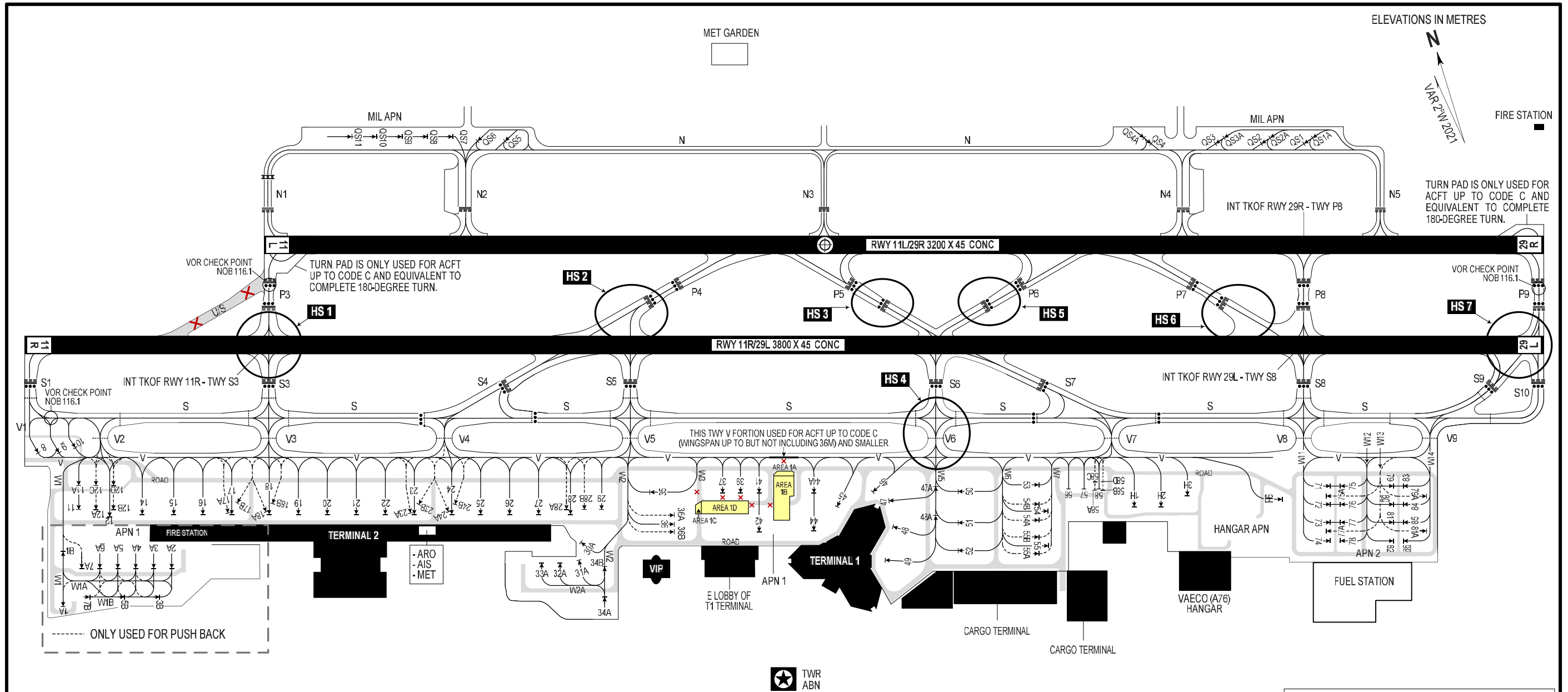
Layout of aircraft parking/docking chart during construction of phase 1A: From 0200 on 2 OCT 2024 to 0159 on 10 NOV 2024

Layout of aircraft parking/docking chart during construction of phase 1B: From 0200 on 10 NOV 2024 to 0159 on 19 JAN 2025

Layout of aircraft parking/docking chart during construction of phase 2: From 0200 on 19 JAN 2025 to 0159 on 14 FEB 2024

Layout of aircraft parking/docking chart during construction of phase 3A: From 0200 on 14 FEB 2025 to 0159 on 15 MAR 2025

Layout of aircraft parking/docking chart during construction of phase 3B: From 0200 on 15 MAR 2025 to 0159 on 24 APR 2025



**NOTES:**

**CONSTRUCTION OF PHASE 1A: (INCLUDES AREA 1A, AREA 1B, AREA 1C, AREA 1D)**

**1. TEMPORARILY CLOSED AREAS:**

- TAXILANE W3: A PORTION FM STAND 35B TO STAND 36B.
- TAXILANE W4.
- STANDS: 35A, 35B, 38, 40, 43, 43A.

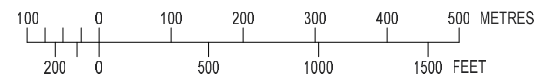
**2. ADJUSTMENT, ADDITION OF OPERATIONAL PROCEDURES:**

- TWY V (A PORTION FM STAND 43/43A TO STAND 44/44A (THE PORTION WHICH IS 38M FM THE CENTRE LINE OF STAND 43/43A TO THE WEST TO THE POSITION WHICH IS 38M FM THE CENTRE LINE OF STAND 43/43A TO THE EAST)): USED FOR ACFT UP TO CODE C (WINGSPAN UP TO BUT NOT INCLUDING 36M) AND SMALLER; ACFT CODE D (WINGSPAN FM 36M) AND LARGER SHALL NOT MOVE THROUGH THIS TWY.
- STAND 35: USED FOR ACFT UP TO CODE E (WINGSPAN UP TO BUT NOT INCLUDING 65M) AND SMALLER; IS NOT ALLOWED TO OPERATE FOR ACFT CODE F AND LARGER.
- STANDS 36, 36A, 36B: ADJUST THE STOP LINE OF THE NOSE WHEEL 60.35M TO THE EAST; THE NOSE OF ACFT FACES THE EAST.
- FOLLOW THE FOLLOW-ME CAR TO STANDS 36, 36A, 36B.

- 3. ACFT OPERATIONAL PROCEDURES AND OPERATIONAL LIMITATION :** REFER TO TEXTUAL FOR DETAILS.
- 4. PILOTS FOLLOW ATC'S INSTRUCTIONS STRICTLY.**

**REMARKS:**

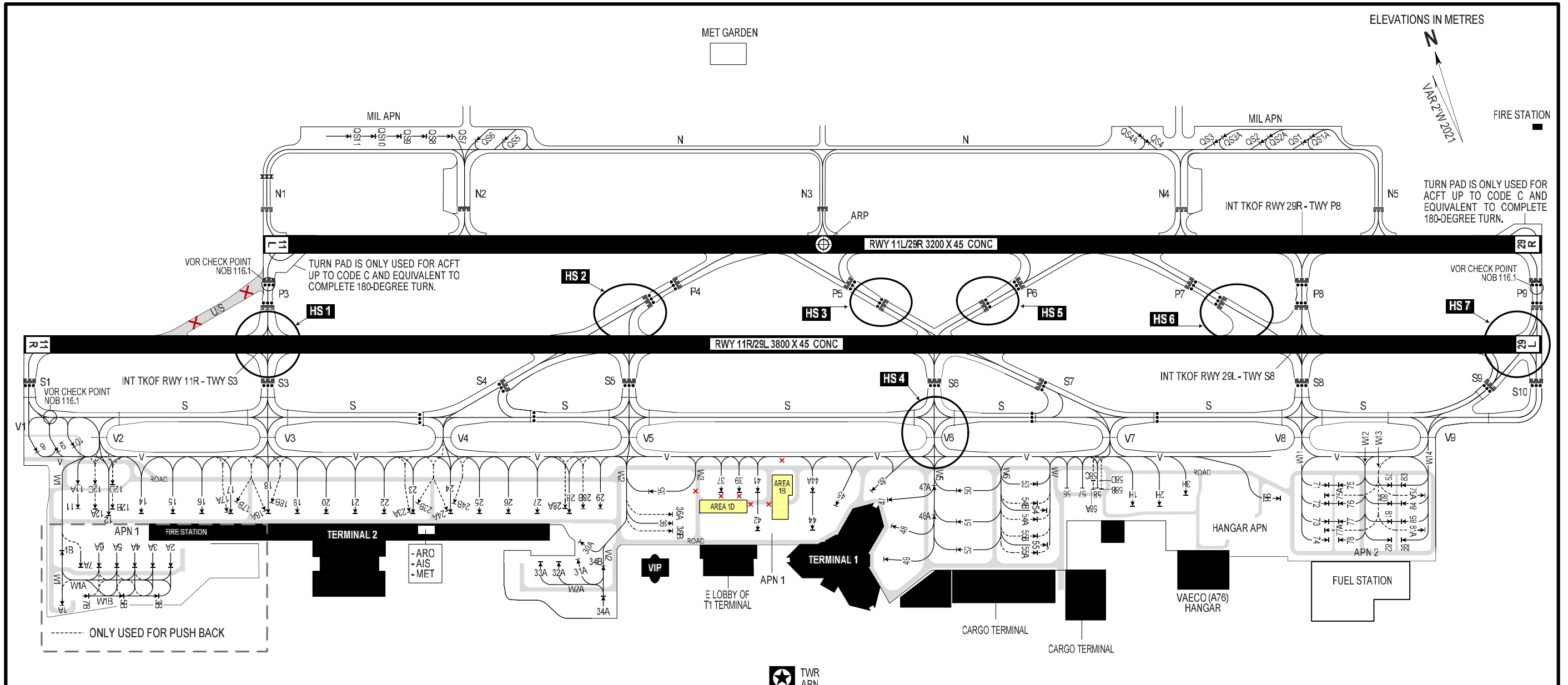
- TWY V2, V8, S10: FOR ACFT UP TO CODE C AND EQUIVALENT.
- TWY S4, S5, S7: ONE-WAY OPS TO VACATE RWY.
- TWY V1: TEMPORARILY CLOSED A PORTION.
- ACFT CODE D (WINGSPAN FM 36M) AND LARGER:  
+ TAXI VIA TWY V9 INTO STAND OR DEPARTURE FOR STANDS 75A, 77A, 79A, 81A.  
+ IS NOT ALLOWED FOR TAXIING OR TOWED/PUSHED VIA TWY V (PORTION FM STAND 12 TO THE WEST WHEN THERE IS ACFT PARKING AT STAND 12C OR 12D).  
+ IS NOT ALLOWED FOR TAXIING OR TOWED/PUSHED VIA TWY V (PORTION FM STAND 12C TO THE WEST WHEN THERE IS ACFT PARKING AT STAND 11A).
- ACFT CODE F (WINGSPAN FM 68.5M) AND LARGER IS ONLY USED FOR TAXIING OR TOWED/PUSHED VIA TWY V3/V4/V5 INTO STAND OR DEPARTURE FOR STANDS 14, 28.



**LEGEND**

VOR CHECKPOINT AND FREQUENCY	○ NOB 116.1
HOT SPOT AND NAME	○ HS 1
ACFT STAND	→ 18
ACFT STAND ( CONDITIONAL)	-----→ 18A
INTERMEDIATE HOLDING POSITION	.....
RWY-HOLDING POSITION (PATTERN A)	≡≡≡
RWY-HOLDING POSITION (PATTERN B)	≡≡≡
SERVICE ROAD	ROAD
STOP BAR	●●●
ARP	⊕
CLOSED	×
BUILDINGS	■
WIP AREA	■

CHANGES: CONSTRUCTION OF PHASE 1A; NOTES.

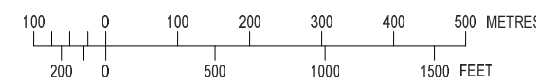


**NOTES:**  
**CONSTRUCTION OF PHASE 1B: (INCLUDES AREA 1B, AREA 1D)**

- TEMPORARILY CLOSED AREAS:**
  - TAXILANE W3: A PORTION FM STAND 35B TO STAND 36B.
  - TAXILANE W4.
  - STANDS: 35A, 35B, 38, 40, 43, 43A.
- ADJUSTMENT, ADDITION OF OPERATIONAL PROCEDURES:**
  - TWY V (A PORTION FM STAND 43/43A TO STAND 44/44A): USED FOR ACFT UP TO CODE F (WINGSPAN UP TO BUT NOT INCLUDING 68.5M) AND SMALLER.
  - STAND 35: USED FOR ACFT UP TO CODE F (WINGSPAN UP TO BUT NOT INCLUDING 68.5M) AND SMALLER.
  - STANDS 36, 36A, 36B: ADJUST THE STOP LINE OF THE NOSE WHEEL 60.35M TO THE EAST; THE NOSE OF ACFT FACES THE EAST.
  - FOLLOW THE FOLLOW-UP CAR TO STANDS 36, 36A, 36B.
- ACFT OPERATIONAL PROCEDURES AND OPERATIONAL LIMITATION:** REFER TO TEXTUAL FOR DETAILS.
- PILOTS FOLLOW ATC'S INSTRUCTIONS STRICTLY.**

**REMARKS:**

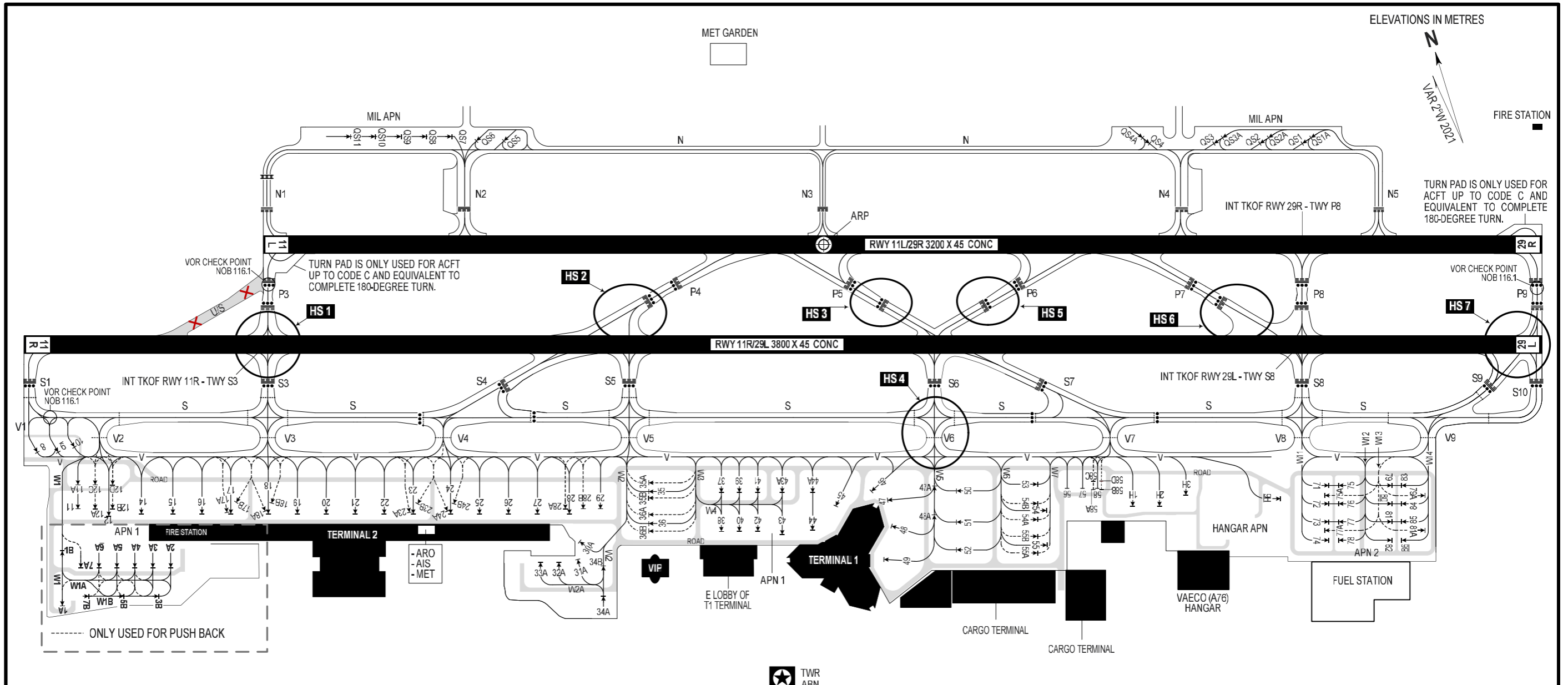
- TWY V2, V8, S10: FOR ACFT UP TO CODE C AND EQUIVALENT.
- TWY S4, S5, S7: ONE-WAY OPS TO VACATE RWY.
- TWY V1: TEMPORARILY CLOSED A PORTION.
- ACFT CODE D (WINGSPAN FM 36M) AND LARGER:
  - + TAXI VIA TWY V9 INTO STAND OR DEPARTURE FOR STANDS 75A, 77A, 79A, 81A.
  - + IS NOT ALLOWED FOR TAXIING OR TOWED/PUSHED VIA TWY V (PORTION FM STAND 12 TO THE WEST WHEN THERE IS ACFT PARKING AT STAND 12C OR 12D).
  - + IS NOT ALLOWED FOR TAXIING OR TOWED/PUSHED VIA TWY V (PORTION FM STAND 12C TO THE WEST WHEN THERE IS ACFT PARKING AT STAND 11A).
- ACFT CODE F (WINGSPAN FM 68.5M) AND LARGER IS ONLY USED FOR TAXIING OR TOWED/PUSHED VIA TWY V3/V4/V5 INTO STAND OR DEPARTURE FOR STANDS 14, 28.



LEGEND	
VOR CHECKPOINT AND FREQUENCY	○ NOB 116.1
HOT SPOT AND NAME	○ HS 1
ACFT STAND	→ 18
ACFT STAND ( CONDITIONAL)	- - - - - → 18A
INTERMEDIATE HOLDING POSITION	.....
RWY-HOLDING POSITION (PATTERN A)	≡≡≡
RWY-HOLDING POSITION (PATTERN B)	≡≡≡≡
SERVICE ROAD	ROAD
STOP BAR	●●●
ARP	⊕
CLOSED	×
BUILDINGS	■
WIP AREA	■

CHANGES: CONSTRUCTION OF PHASE 1B; NOTES.





**CHANGES: PUT INTO OPERATION; NOTES.**

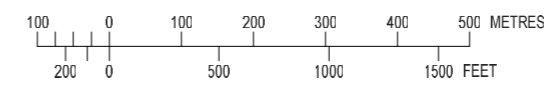
**NOTES:**

- PUT INTO OPERATION:**
  - TAXILANE W3: A PORTION FM STAND 35B TO STAND 36B.
  - TAXILANE W4.
  - STANDS: 35A, 35B, 38, 40, 43, 43A.
  - STANDS 36, 36A, 36B: ADJUST THE STOP LINE OF THE NOSE WHEEL 60.35M TO THE WEST; THE NOSE OF THE ACFT FACES THE WEST (RETURN AS BEFORE THE CONSTRUCTION OF THE PHASE 1A).
- ACFT OPERATIONAL PROCEDURES AND OPERATIONAL LIMITATION :** REFER TO TEXTUAL FOR DETAILS.
- PILOTS FOLLOW ATC'S INSTRUCTIONS STRICTLY.**

*NOTE: CANCEL THE PROCEDURE FOLLOWING THE FOLLOW-ME CAR TO STANDS 36, 36A, 36B.*

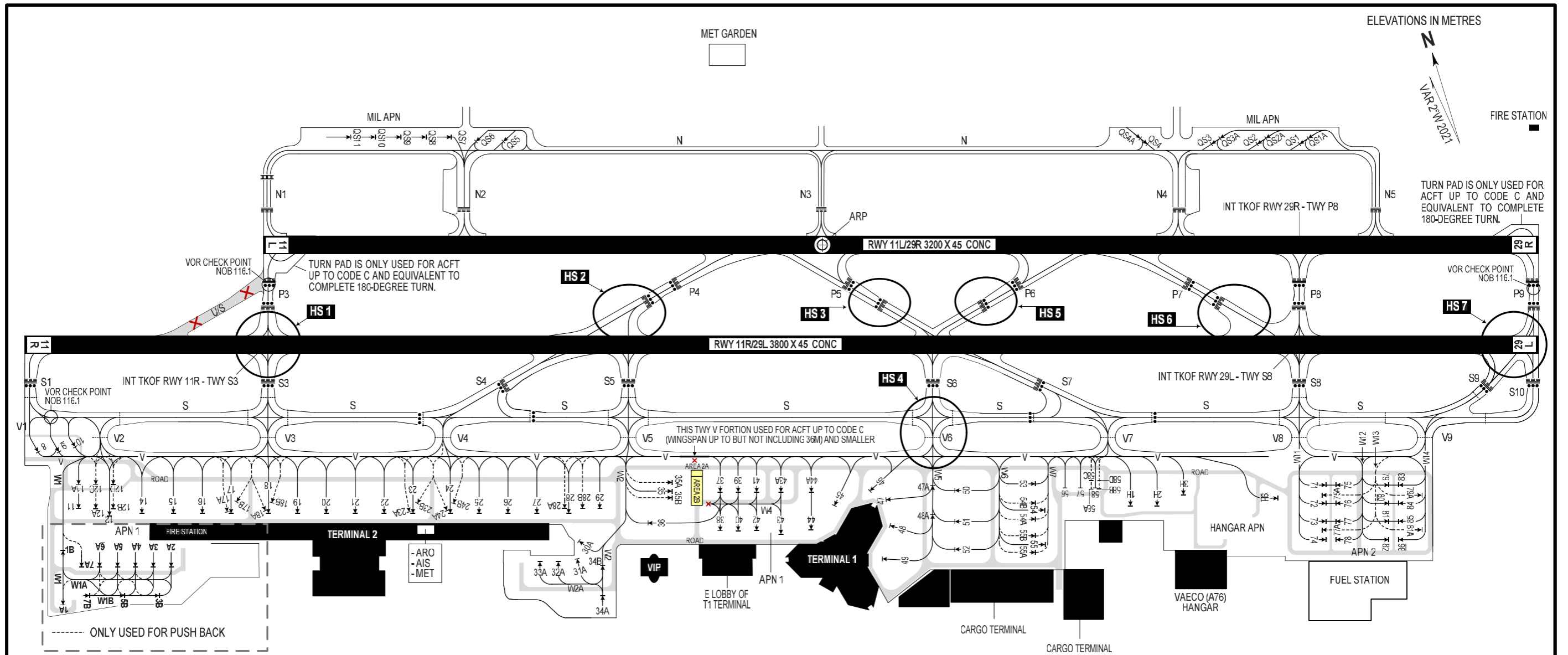
**REMARKS:**

- TWY V2, V8, S10: FOR ACFT UP TO CODE C AND EQUIVALENT.
- TWY S4, S5, S7: ONE-WAY OPS TO VACATE RWY.
- TWY V1: TEMPORARILY CLOSED A PORTION.
- ACFT CODE D (WINGSPAN FM 36M) AND LARGER:
  - + TAXI VIA TWY V9 INTO STAND OR DEPARTURE FOR STANDS 75A, 77A, 79A, 81A.
  - + IS NOT ALLOWED FOR TAXIING OR TOWED/PUSHED VIA TWY V (PORTION FM STAND 12 TO THE WEST WHEN THERE IS ACFT PARKING AT STAND 12C OR 12D).
  - + IS NOT ALLOWED FOR TAXIING OR TOWED/PUSHED VIA TWY V (PORTION FM STAND 12C TO THE WEST WHEN THERE IS ACFT PARKING AT STAND 11A).
- ACFT CODE F (WINGSPAN FM 68.5M) AND LARGER IS ONLY USED FOR TAXIING OR TOWED/PUSHED VIA TWY V3/V4/V5 INTO STAND OR DEPARTURE FOR STANDS 14, 28.



LEGEND	
VOR CHECKPOINT AND FREQUENCY	NOB 116.1
HOT SPOT AND NAME	HS 1
ACFT STAND	18
ACFT STAND ( CONDITIONAL)	18A
INTERMEDIATE HOLDING POSITION	-----
RWY-HOLDING POSITION (PATTERN A)	
RWY-HOLDING POSITION (PATTERN B)	
SERVICE ROAD	ROAD
STOP BAR	●●●
ARP	⊕
CLOSED	✗
BUILDINGS	■
WIP AREA	■





CHANGES: CONSTRUCTION OF PHASE 3A, NOTES.

**NOTES:**

**CONSTRUCTION OF PHASE 3A: (INCLUDES AREA 2A, AREA 2B)**

**1. TEMPORARILY CLOSED AREAS:**

- TAXILANE W3.
- STANDS: 36A, 36B.

**2. ADJUSTMENT, ADDITION OF OPERATIONAL PROCEDURES:**

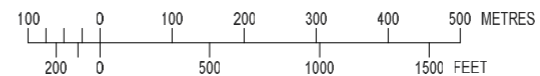
- TWY V (A PORTION FM THE POSITION WHICH 38M FM THE CENTRE LINE OF TAXILANE W3 TO THE WEST TO THE POSITION WHICH IS 38M FM THE CENTRE LINE OF TAXILANE W3 TO THE EAST): USED FOR ACFT UP TO CODE C (WINGSPAN UP TO BUT NOT INCLUDING 36M) AND SMALLER; ACFT CODE D (WINGSPAN FM 36M) AND LARGER SHALL NOT MOVE THROUGH THIS TWY.
- STANDS 35, 35A, 35B: ADJUST THE STOP LINE OF THE NOSE WHEEL 60.35M TO THE EAST; THE NOSE OF ACFT FACES THE EAST.
- ADJUST THE TOWING/PUSHING LANE FM TAXILANE W4 TO STANDS 37, 38 INTO TAXILANE.
- ADDITION OF TAXILANE SIGNAL FM STAND 37 INTO STAND 36.
- FOLLOW THE FOLLOW-ME CAR TO STANDS 35, 35A, 35B, 36, 38, 42, 43.

**3. ACFT OPERATIONAL PROCEDURES AND OPERATIONAL LIMITATION : REFER TO TEXTUAL FOR DETAILS.**

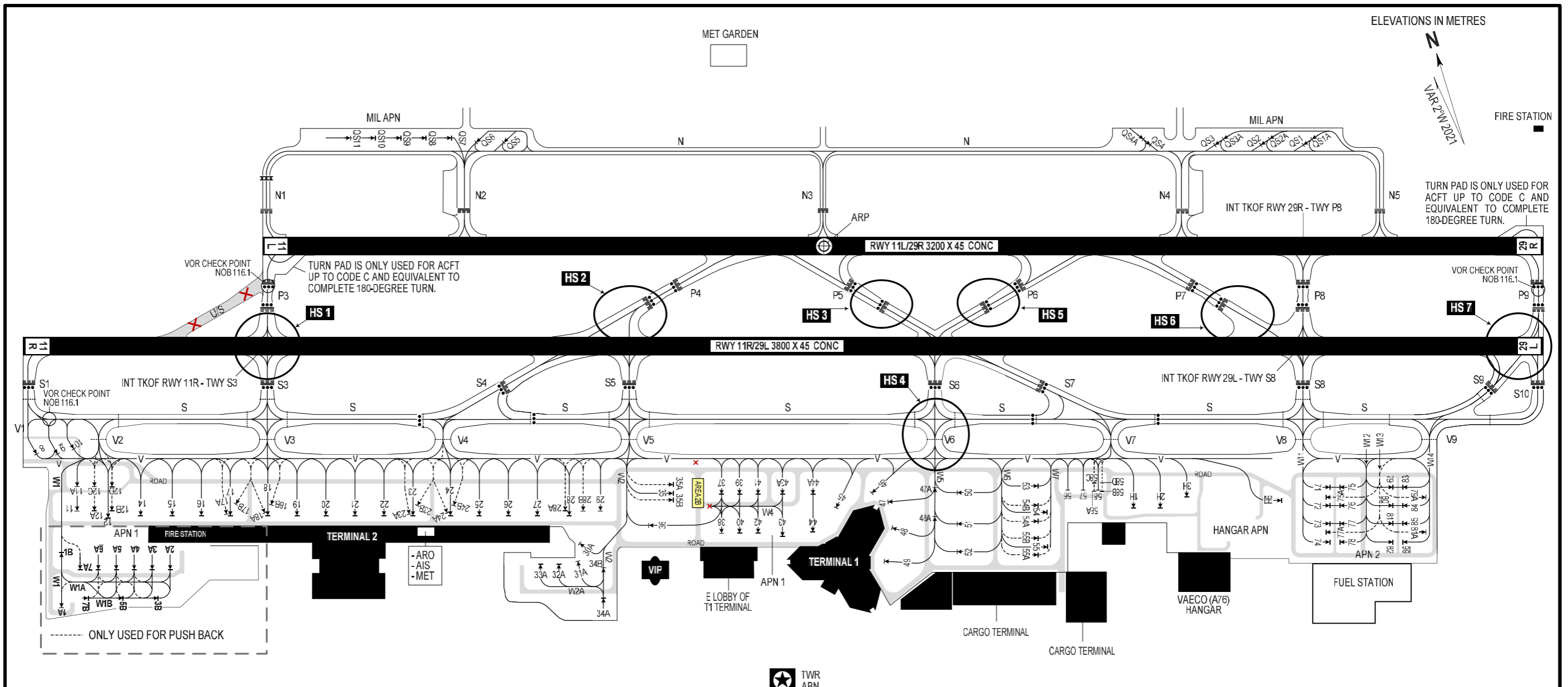
**4. PILOTS FOLLOW ATC'S INSTRUCTIONS STRICTLY.**

**REMARKS:**

- TWY V2, V8, S10: FOR ACFT UP TO CODE C AND EQUIVALENT.
- TWY S4, S5, S7: ONE-WAY OPS TO VACATE RWY.
- TWY V1: TEMPORARILY CLOSED A PORTION.
- ACFT CODE D (WINGSPAN FM 36M) AND LARGER:
  - + TAXI VIA TWY V9 INTO STAND OR DEPARTURE FOR STANDS 75A, 77A, 79A, 81A.
  - + IS NOT ALLOWED FOR TAXIING OR TOWED/PUSHED VIA TWY V (PORTION FM STAND 12 TO THE WEST WHEN THERE IS ACFT PARKING AT STAND 12C OR 12D).
  - + IS NOT ALLOWED FOR TAXIING OR TOWED/PUSHED VIA TWY V (PORTION FM STAND 12C TO THE WEST WHEN THERE IS ACFT PARKING AT STAND 11A).
- ACFT CODE F (WINGSPAN FM 68.5M) AND LARGER IS ONLY USED FOR TAXIING OR TOWED/PUSHED VIA TWY V3/V4/V5 INTO STAND OR DEPARTURE FOR STANDS 14, 28.



LEGEND	
VOR CHECKPOINT AND FREQUENCY	NOB 116.1
HOT SPOT AND NAME	HS 1
ACFT STAND	18
ACFT STAND ( CONDITIONAL)	18A
INTERMEDIATE HOLDING POSITION	.....
RWY-HOLDING POSITION (PATTERN A)	
RWY-HOLDING POSITION (PATTERN B)	
SERVICE ROAD	ROAD
STOP BAR	●●●
ARP	⊕
CLOSED	×
BUILDINGS	■
WIP AREA	■



CHANGES: CONSTRUCTION OF PHASE 3B, NOTES.

**NOTES:**

**CONSTRUCTION OF PHASE 3B: (AREA 2B)**

**1. TEMPORARILY CLOSED AREAS:**

- TAXILANE W3.
- STANDS: 36A, 36B.

**2. ADJUSTMENT, ADDITION OF OPERATIONAL PROCEDURES:**

- TWY V (A PORTION FM THE POSITION WHICH 38M FM THE CENTRE LINE OF TAXILANE W3 TO THE WEST TO THE POSITION WHICH IS 38M FM THE CENTRE LINE OF TAXILANE W3 TO THE EAST): USED FOR ACFT UP TO CODE F (WINGSPAN UP TO BUT NOT INCLUDING 68.5M) AND SMALLER.
- STANDS 35, 35A, 35B: ADJUST THE STOP LINE OF THE NOSE WHEEL 60.35M TO THE EAST; THE NOSE OF ACFT FACES THE EAST.
- ADJUST THE TOWING/PUSHING LANE FM TAXILANE W4 TO STANDS 37, 38 INTO TAXILANE.
- ADDITION OF TAXILANE SIGNAL FM STAND 37 INTO STAND 36.
- FOLLOW THE FOLLOW-ME CAR TO STANDS 35, 35A, 35B, 36, 38, 42, 43

**3. ACFT OPERATIONAL PROCEDURES AND OPERATIONAL LIMITATION : REFER TO TEXTUAL FOR DETAILS.**

**4. PILOTS FOLLOW ATC'S INSTRUCTIONS STRICTLY.**

**REMARKS:**

- TWY V2, V8, S10: FOR ACFT UP TO CODE C AND EQUIVALENT.
- TWY S4, S5, S7: ONE-WAY OPS TO VACATE RWY.
- TWY V1: TEMPORARILY CLOSED A PORTION.
- ACFT CODE D (WINGSPAN FM 36M) AND LARGER:  
 + TAXI VIA TWY V9 INTO STAND OR DEPARTURE FOR STANDS 75A, 77A, 79A, 81A.  
 + IS NOT ALLOWED FOR TAXIING OR TOWED/PUSHED VIA TWY V (PORTION FM STAND 12 TO THE WEST WHEN THERE IS ACFT PARKING AT STAND 12C OR 12D).
- ACFT CODE F (WINGSPAN FM 68.5M) AND LARGER IS ONLY USED FOR TAXIING OR TOWED/PUSHED VIA TWY V3/V4/V5 INTO STAND OR DEPARTURE FOR STANDS 14, 28.

**LEGEND**

VOR CHECKPOINT AND FREQUENCY	○ NOB 116.1
HOT SPOT AND NAME	○ HS 1
ACFT STAND	→ 18
ACFT STAND ( CONDITIONAL)	-----→ 18A
INTERMEDIATE HOLDING POSITION	.....
RWY-HOLDING POSITION (PATTERN A)	≡≡≡
RWY-HOLDING POSITION (PATTERN B)	≡≡≡
SERVICE ROAD	ROAD
STOP BAR	●●●
ARP	⊕
CLOSED	×
BUILDINGS	■
WIP AREA	■

